PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 377 + 378)

B. DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI

1. Công ty TNHH TM thú y Tân Tiến

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Tylan 40 Premix	Gói, bao	100; 500g; 1; 2, 5; 5; 10kg	Elanco Animal Health USA	EC-1
2	Tylan Soluble	Gói, bao	10; 20; 25; 50; 100; 500g; 1kg	Elanco Animal Health USA	EC-2
3	Apralan Soluble	Gói, bao	10; 20; 25; 50; 100; 500g; 1kg	Elanco Animal Health USA	EC-6
4	Tylan 40 Sulfag	Gói, bao	100; 500g; 1; 2, 5; 5; 10kg	Elanco Animal Health USA	EC-12
5	CYC 100	Gói, bao	100; 500g; 1; 2, 5; 5; 10kg	Choong ang biotech Korea	CAC-6

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
6	Panacur 4%	Gói, bao	12, 5; 25; 100g; 0,5; 1; 5kg	Intervet, Holand	IT-101
7	Daimenton Soda	Gói, bao	10; 20; 25; 50; 100; 500g; 1kg	Daii chi Fine chemical industry Japan	FUJI-3
8	Rovimix Stay C35	Gói	100; 200; 500g; 1kg	F.Hoffmann La Roche Inc-SwitzerlaND	HRL-31
9	Neo-Terramycin 50, 50	Gói	100; 200; 500g; 1kg	Pfizer Pty-Australia	PFU-26

2. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thiện Nguyễn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Snip	Azamethipos	Gói	20; 250g	Novatis	CGN-05
2	ESB_3	Sulfaclozine sodium	Gói	20; 250g	Novatis	CGN-06
3	Cosumix Plus	Sulfachuorpyridazine sodium	Gói	20; 250g	Novatis	CGN-11
4	Quixalud 60%	Haquinol	Gói	100g; 1; 10kg	Novatis	CGN-21
5	Tiamulin 45%	Tiamulin	Gói	10; 20; 100g	Novatis	SD-5-7
6	Tiamulin 10%	Tiamulin	Gói	100g; 1; 10kg	Novatis	CGN-18
7	Tetramutin	Tiamulin - Chlotetracycline	Gói	100g; 1kg	Novatis	SD-4-5
8	Econor 1%	Valnemulin	Gói	100; 500g; 1kg	Novatis	NVT-1-6
9	Econor 10%	Valnemulin	Gói	100; 500g; 1kg	Novatis	NVT-2-6

3. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Thịnh Á

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Cephalothin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-2

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
2	Cephalexin Soluble Powder	Gói	100; 500; 1000g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-3
3	Kanamycin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-4
4	Penbritin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-6
5	Spectlincomycin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-7
6	Tylosin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-8

4. Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Ascarex D	Piperazin HCl	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 200; 500; 1000g	PM Tezza S.R.L - Thụy Điển	AZN-01

5. Công ty liên doanh Guyomarc'h - VCN

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Số đăng ký
1	Vitaflash	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_{12}, C, K_3, PP, B_5, Cystine, Methionine, Lysin, Arginine, Tritophane	Gói	20; 50; 100g	GUY-1
2	Covit	Colistine, Oxytetracycline, Vit A, D_3, K_3, E, B_2, B_{12}	Gói	20; 50; 100g	GUY-2
3	Anticoc	Sulphadimerazine, Diaveridine	Gói	20; 50; 100g	GUY-4
4	Doxy 5	Doxycillin	Gói, bao, thùng	20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	FRAN-1

6. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Colistin Sulphate	Colistin sulphate	Gói, bao	5, 10, 50, 100, 500g, 1,5kg	Meiji (Nhật)	MJ-1
2	Colimeiji 10%	Colistin sulphate	Gói, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 5kg	Meiji (Thái Lan)	MJT-3
3	Pacoma	Mono, bls (Trimethylammolumme thylene cchloride))-alkyl toluene	Chai Can	50ml, 100ml, 500ml 1; 2; 5 lít	Scientific Feed Laboratory (Nhật)	SS-2
4	Crente	Sodiumdichloroisocyanurat	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Eisai (Nhật)	NCIJ-1
5	EZF-300PW	Natural Yucca Schidigera	Bao, xô	100, 500, 1000g, 10kg	Ameco-Bios (Mỹ)	ABU-03
6	Coccirol-S	Amprorium, Sulfaquinoxaline	Lon, gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Choong Ang Biotech (Hàn Quốc)	CAC-11
7	Methomix - WP	Sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Lon, gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g 1kg	Choong Ang Biotech	CAC-13

7. Công ty cổ phần phát triển Công nghệ Nông thôn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Stresroak	Thảo dược, Phyllanthu emica, Whithania sanctum, Mangifera indica	Chai Bình	50; 125; 500ml; 2; 5l	Dabur Ayuvet Limited, Ấn Độ	DAL-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
2	Diaroak	Thảo dược, Acacia catechu, Aegle marmelos, Andrographis panicultata, Berberis aristata	Gói Túi	30; 100; 200; 400g 1; 2; 5kg	Dabur Ayuvet Limited, Ấn Độ	DAL-2
3	Livfit Vet Liquid	Thảo dược (herbal ingredients)	Chai; can	500ml; 1; 2; 5 lít	Dabur Ayuvet Limited, Ấn Độ	DAL-3

8. Công ty TNHH Asialand Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Heparenol	Sorbitol, acetylmethionine, Chlorur cholin	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Tăng cường chức năng gan, lợi tiểu, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	MRA-94
2	Oligoselen Vitamine E	Sodium selenite, Vit E	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Bổ sung Vitamine E và Selenium	MRA-95
3	Polystrongle	Levamisole	Gói	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Phòng và trị bệnh do các loại giun tròn nhạy cảm với levamisol	MRA-105
4	Super Layer	Oxytetracycline, Lysine Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_{12}, PP, Calcium, Met	Gói	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline. Bệnh đường tiêu hóa, hô hấp có liên quan đến stress	MRA-108
5	Aleccid	Sulfaquinoxaline, Pyrimethamine	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Phòng, trị bệnh cầu trùng	MRA-144
6	Phosretic	Ethanol B aminophosphoric axít	Gói, hộp	100g; 1; 2,5; 5kg	Phòng và chữa trị các bệnh có liên quan đến gan và thận	MRA-152

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
7	Nebutol	Alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5l	Thuốc sát trùng	MRA-193
8	Vitalic	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_6, PP, B_{12}, Calcium panthothenate, Biotin	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Bổ sung hỗn hợp vitamin cho gia cầm	MRA-196
9	Ronaxan PS 5%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 250; 500g; 1; 2,5kg, 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	MRA-47
10	Ronasan 20%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 250; 500g; 1; 2,5kg, 5, 25kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	MRA-65
11	Cofacoli	Colistine	Gói, hộp	100g, 200; 500g; 1; 2,5kg, 5kg	Trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở gia cầm, thỏ, bê cừu	MRA-150
12	Imequyl 20%	Flumequine	Chai	100; 250; 500ml; 1; 2,5; 5l	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-), gây cho gà, vịt, thỏ, bê, cừu, heo	MRA-49
13	Vitaperos	12 vitamines	Hộp, bao	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Bổ sung vitamin cho gia súc	MRA-62
14	Cofamox 20	Amoxilin	Hộp, gói	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxilin	MRA-187
15	Amprol 12%	Amprolium	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 2,5; 5l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gia cầm	MRA-189
16	Flumicof 20	Flumequine	Bình	100; 250; 500ml; 1; 2,5; 5l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	MRA-191
17	Suanovil 50	Spiramycine	Hộp	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5; 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn gr(+), Mycoplasma, Pasteurella trên bê, heo, gà	COO-5

9. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y Napha

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Valosin FG 50	Acetyl isovaleryl tylosin tartrate	Gói	500g; 1kg	Chữa Mycoplasma, viêm phổi	ECO-3

C. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC NHẬP KHẨU ANH (ENGLAND)

1. Công ty Anupco

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Anflox 10% Inj	Norfloxacin	Chai	100ml	Điều trị bệnh do Mycoplasma, E.coli và các vi khuẩn Gr(-) và Gr(+) gây ra	AP-02
2	Aminovit	Vitamin	Chai	100, 1000ml	Bổ sung vitamin	AP-03
3	Vitalyte	Vitamin, khoáng vi lượng	Hộp, gói	30; 150g; 1kg	Tăng sức đề kháng, chống mất nước, stress	AP-05
4	Anflox 5% Inj	Norfloxacin	Chai	100ml	Điều trị bệnh do Mycoplasma, E.coli và các vi khuẩn Gr(-) và Gr(+) gây ra	AP-07
5	Flumex 20	Flumequine	Chai	100; 1000ml	Trị các bệnh do E.coli, Haemophilus, Pastuerella, Staphylococci,..	AP-08
6	Flumequin 10	Flumequin	Gói	100g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-) và Gr(+), Colibacillus, Salmonella gây ra	AP-12
7	Anflox Gold	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500; 1000ml	Trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	AP-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Cotrim 240 Inj	Trimethoprim, Sulfadiazine	Chai	50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	AP-16
9	Ancomycin 200 LA Inj	Oxytetracycline base	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra	AP-18
10	Cotrim 480W	Trimethoprim, Sulfadiazine	Hộp, gói	100; 500g	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	AP-20
11	Tylosin 200 Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Mycoplasma gây ra	AP-22
12	Amoxycillin 150 LA Inj	Amoxycillin	Chai	100ml	Trị cầu trùng cục bộ, đường niệu, hô hấp	AP-26
13	Anflox Platium	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500; 1000ml	Trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	AP-28
14	Penstrep 20/20 Inj	Penicillin, Streptomycin	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin gây ra	AP-30
15	Ivermectin 10 Inj	Ivermectin	Chai	50; 100ml	Trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng	AP-32
16	Vit ADE Inj	Vitamin, A, D, E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	AP-34
17	Ancomox 50	Amoxicillin	Gói	100g	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin	AP-36
18	Ancodox 20	Doxycycline	Gói, hộp	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, vết thương trên bê, nghé, heo, gia cầm	AP-37
19	Ancoprofen 10%	Ketoprofen	Chai	50; 100ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt	AP-38
20	Doxycol	Doxycycline hyclate	Gói, hộp	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vk nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, cừu, lợn và gia cầm	AP-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
21	Anconil 25	Nitroxynil	Chai	10; 250ml	Trị sán lá, giun tròn trên trâu, bò, cừu, dê, thỏ, chim trĩ, gà lôi	AP-40
22	Ancospectin	Lincomycine hydrochloride; Spectinomycin sulfate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-), Gram(+) nhạy cảm với Lincomycine và Spectinomycin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, gia cầm	AP-41
23	Ancomast	Procain benzylpenicillin, Neomycin sulphat	Syring	10g/Syring	Trị viêm vú cấp tính trên bò, cừu	AP-42
24	CTC Oblets	Chlotetracyclin	Hộp	100 viên	Chống nhiễm trùng đường sinh dục cho gia súc sau khi sinh	AP-43
25	Ancotryp	Diminazen diaceturate, Antipyrin	Gói	2,36g	Trị ký sinh trùng đường máu cho gia súc	
26	Enrofloxan 100	Enrofloxacin	Chai	1l	Trị Mycoplasma, vi trùng gram(+), gram(-) cho gia cầm	AP-44

2. Công ty Tithebarn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Quintril 10% Inj	Norfloxacin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh vi khuẩn	TTUK-01
2	Tithermectin	Ivermectin	Chai	50; 100ml	Điều trị các bệnh ký sinh trùng	TTUK-02
3	Vitamin A, D, E Inj	Vitamin A, D, E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin	TTUK-03
4	Penstrep Inj	Penicillin, Streptomycin	Chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-) gây ra	TTUK-04
5	Tyloject 20%	Tylosin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh vi khuẩn	TTUK-05

3. Công ty Eco Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Chlortet FG 150	Chlotetracycline	Bao	20; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	ECO-01
2	Oxytet FG 200	Oxytetracycline	Bao	20; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	ECO-02
3	Valosin FG 50	Acetyl isovaleryl	Bao	20; 25kg	Chữa Mycoplasma, viêm phổi	ECO-03
4	Ecomectin 1%j Inj	Ivermectin	Chai	20; 50; 200; 500ml	Chữa nội ngoại ký sinh trùng	ECO-04
5	Tyleco soluble	Tylosin Tartrate	Tuyp, thùng	100g; 15; 25kg	Chữa Mycoplasma cho gia cầm, chữa viêm phổi trên lợn	ECO-05
6	Flaveco 40	Flavophospholipol	Bao	20; 25kg	Tăng sức đề kháng, giúp gia súc, gia cầm tăng trưởng	ECO-06
7	Saleco 120	Salinomycine	Bao	20; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng cho gia cầm	ECO-07

4. Công ty Special T Product

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Oxytet 200 LA Inj	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, viêm khớp trên bò, dê, cừu, heo	SPT-1
2	Trimasul 240 LA	Trimethoprim Sulfadoxine	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, tiết niệu trên bò, dê, cừu, heo	SPT-2
3	Enro 10% Inj	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, tiết niệu trên bò, heo	SPT-3
4	Speclin inj	Spectinomycin Lincomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	SPT-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Amoxyject 15% LA	Amoxycillin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, tiết niệu trên bò, dê, cừu, heo	SPT-5
6	Iverject inj	Ivermectin	Chai	100ml	Trị giun và ngoại ký sinh trùng trên bò, dê, cừu, lợn	SPT-6
7	Tyloject 200	Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo	SPT-7
8	Dexoject 200 Plus	Iron, Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên bê, nghé, heo con	SPT-8

5. Công ty Meriden Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Orego-Stim Powder (thảo dược)	Oreganum Aetheroleum	Bao	1; 5; 25kg	Thảo dược, thuốc bổ dưỡng	MRD-02
2	Orego-Stim Liquid (thảo dược)	Oreganum Aetheroleum	Chai, can	1; 5; 25 lít	Thảo dược, thuốc bổ dưỡng	MRD-03

6. Công ty Globe VET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxy 150 Inj	Amoxycillin (as trihydrate)	Chai	100ml, 250ml,	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo	GVE-1
2	Amoxy Tri 200	Amoxycillin trihydrate	Gói	100g, 1kg, 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, đường hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo	GVE-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Buta vet B_{12} Inj	Butafosfan, Cyanocobalamin	Chai	100ml, 250ml	Trị suy nhược do rối loạn chuyển hóa cấp tính hoặc mãn tính nguyên nhân từ dinh dưỡng kém, quản lý kém. Trường hợp căng thẳng, mệt mỏi, làm việc quá sức, sức đề kháng giảm, cơ thể suy yếu, cảm lạnh và sức đề kháng giảm	GVE-3
4	Phenvet 200 Inj	Phenybutazone, Benzyl Alcohol, Sodium hydroxide	Chai	100ml, 250ml	Trị viêm khớp, viêm bao dịch hoàn, viêm cơ, viêm dây thần kinh, gân, suy tim bò, chấn thương	GVE-4

ARGENTINA

1. Công ty Cevasa S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxin 14%	Amoxicilin trihydrate, Bromhexine HCl	Gói, bao, xô, thùng	100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilin gây ra trên trâu, bò dê, cừu, lợn, chó, mèo	CEVA-1
2	Cenflox	Enrofloxacin base	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	CEVA-2
3	Cefur 5%	Ceftiofur HCl	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên bò, lợn	CEVA-3
4	Enflox 10%	Enrofloxacin	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra ở gia cầm	CEVA-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Flocol 30%	Florfenicol	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với florfenicol gây ra trên bò, lợn	CEVA-5
6	Mycoticev	Tilmicosin phosphate	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó	CEVA-6
7	Celexin 18%	Cephalexin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với cephalexin gây ra trên trâu, bò, lợn	CEVA-7
8	Anticoccin	Diclazuril	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên lợn, cừu, chim, thỏ	CEVA-8
9	Ceflorsol 30	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo	CEVA-9
10	Antigermen Forte	Didecyl dimethyl ammonium chloride, Glutaraldehyde, Glioxal, Isopropanol	Chai, thùng	1; 5; 20; 205 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	CEVA-10
11	Povy 10	Povydone idine; Trisodiumphosphate	Chai	1; 5; 20; 205 lít	Thuốc sát trùng	CEVA-11
12	Tilmicox solucion	Tilmicosin phosphate	Chai	60; 240ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu bò, lợn và gia cầm	CEVA-12
13	Oxicev L.A	Oxytetracycline	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin trên trâu bò, cừu, lợn và gia cầm	CEVA-13
14	Cevasafur	Ceftiofur HCl	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Ceftiofur trên bò, lợn	CEVA-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
15	Amoxicev 500	Amoxicilline trihydrate	Gói	100; 400g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp và đường sinh dục gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin trên lợn và gia cầm	CEVA-15
16	Energyvit KSA	Vitamin A; B_1; B_2; B_6; B_{12}; D_3; E; K_3, các axit amin	Chai	1 lít	Trị các bệnh do thiếu vitamin, chống stress	CEVA-16
17	Cevasamectin	Ivermectin	Chai	50; 100; 500ml	Trị các bệnh ngoại, nội ký sinh trùng trên bò, lợn	CEVA-17
18	Cevasalexin	Cephalexin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Cephalexin trên bò, chó, mèo	CEVA-18
19	Tilmicox premix	Tilmicosin phosphate	Chai, túi	100g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Tilmicosin gây ra trên lợn, gia cầm	CEVA-19
20	Cevasamox	Amoxicilline trihydrate, Bromhexine HCl	Gói, chai, túi	100g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp và đường sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin trên lợn, gia cầm	CEVA-20
21	Diclacev	Diclazuril	Chai	250ml; 1 lít	Trị bệnh cầu trùng trên cừu, lợn, thỏ, gà	CEVA-21
22	Celflorsol 10	Florfenicol	Chai	1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol trên heo, gia cầm	CEVA-22
23	Do xi 10%	Doxycycline hyclate	Chai, bình	10; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị viêm mũi, Mycoplasma, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy trên lợn, gia cầm	CEVA-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
24	Coli 1200	Colistin Sulfate	Gói, bao, hộp, xô	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị E.coli, thương hàn, viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy trên bê nghé, lợn, gia cầm	CEVA-24
25	Enflox Premix	Enrofloxacin	Gói, bao, hộp, xô	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị lỵ, E. coli, Mycoplasma, thương hàn, viêm phổi trên gà	CEVA-25
26	Mycoticev Premix	Tilmicosin phosphate	Gói, bao, hộp, xô	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị tụ huyết trùng, Mycoplasma, tụ cầu khuẩn và liên cầu, đóng dấu trên trâu bò, lợn, gia cầm	CEVA-26
27	Cetrifos P	Calcium Fosfomycin, Erythromycin	Gói, bao	100g; 1kg, 5kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột trên gà	CEVA-27
28	Albenvasol	Albendazole, Levamisole HCl	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng và điều trị nội ký sinh trùng	CEVA-30
29	Amoxcol	Amoxicillin trihydrate, Colistin Sulphate	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy do vi khuẩn và viêm rốn trên gia súc gia cầm non	CEVA-31
30	Sulfatrim 750	Sulfachloropyridazine Sodium, Trimethoprim	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính, sưng phù đầu, viêm rốn, viêm ruột do E.coli, tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm trên gia súc, gia cầm	CEVA-32
31	Linspec	Lincomycin, Spectinomycine	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 5; 25kg	Trị hồng lỵ, tiêu chảy, bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	CEVA-33
32	Mycoticev solution	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	CEVA-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
33	Macfos	Fosfomycin Tylosin tartrate	Hộp, gói, bao	100; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, bạch lỵ, thương hàn, tụ huyết trùng trên lợn, gia cầm	CEVA-35
34	Hepa-Pro	Liver Proteolyzed, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, L-Lysine HCl, Nicotinic Acid, Calcium Pantothenate, D, L-Methionine, Choline Chloride, Glucose Solution	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5; 20l	Trợ giúp bảo vệ gan trên lợn, gia cầm	CEVA-36
35	Precex	Ceftiofur (sodium)	1 lọ	Lọ 25 ml chứa 1g; Lọ 100ml chứa 4g	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên heo, bò, ngựa, gà con	CEVA-37
36	Antitermyl	Acety salicylic acid,Caffeine, Vitamin C, Sodium chloride, Sodium benzoate, Potassium chloride, Magnesium sulfate, Sodium bicarbonate, Celite superfloss, Sodium sulfate	Gói, bao	100g; 1kg, 5kg	Giải nhiệt, hạ sốt và giải độc trong những trường hợp stress do nhiệt độ quá cao, Ngăn chặn đột quỵ do nhiệt, hỗ trợ trong các điều trị bệnh truyền nhiễm có sốt	CEVA-38
37	Lincocev 100 SP	Lincomycin, Spectinomycin	Hộp	100g, 1kg	Trị bệnh hô hấp trên gia cầm do *Mycoplasma* và/hoặc vi khuẩn nhạy cảm với tác động của lincomycin và spectinomycin	CEVA-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
38	Cevasamida	N-Chloro-4-Methyl Benzenesulfonamide sodium salt	Bao, gói	1; 5; 25kg	Sát trùng ổ đẻ và nơi đặt ổ cho gà	CEVA-40
39	Tiamucev	Tiamulin HF	Bao, gói	1; 5; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, lỵ trên heo, gia cầm	CEVA-41
40	Biotyl	Tylosin tartrate	Bao, gói	1; 5; 25kg	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	CEVA-42
41	Biotyl premix	Tylosin phosphate	Bao, gói	1; 5; 25kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	CEVA-43

2. Công ty Proagro S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Florfec	Florfenicol	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	PSA-1
2	Irondel LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA) trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm, thỏ	PSA-3
3	Floxin 5%	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, tiết niệu, viêm da trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	PSA-4
4	Magnesiado 40	Caicium gluconate, Boric acid, Magnesium chloride	Chai	20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Calcium và Magnesium trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	PSA-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Pro-Cloxam	Ampicillin, Cloxacilin	Syrings	7g	Trị viêm vú bò	PSA-8
6	Megluxin	Flunixin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hệ cơ xương, viêm gân, viêm khớp, viêm màng hoạt dịch, giảm đau trên trâu, bò, ngựa, heo	PSA-9

3. Công ty Vetanco S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Inoxel RTU	Ceftiofur HCl	Chai	90ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	VTA-1

4. Công ty Bedson S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Fosbac	Fosfomycin	Gói, xô	160g; 1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	BSA-1
2	Fosbac premix	Fosfomycin	Gói, xô	1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm. Trị Colibacillosis, thương hàn, hoại tử ruột, lỵ, viêm phổi, viêm khớp, hội chứng MMA trên lợn	BSA-2
3	Fosbac plus T	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Gói, xô	160g; 1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, bệnh do Mycoplasma, tụ huyết trùng trên gia cầm	BSA-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Fosbac plus T premix	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Gói, xô	1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, bệnh do Mycoplasma, tụ huyết trùng trên gia cầm. Trị viêm teo mũi, viêm phổi, Colibacillosis, thương hàn, hoại tử ruột, lỵ, viêm khớp, hội chứng MMA trên lợn	BSA-4

5. Công ty Organizacion Veterinaria Regional

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ceftiofur L.P.U over	Ceftiofur	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, lợn	OVR-1
2	Tilmicosina over conventrado	Tilmicosin (phosphate)	Chai	250, 500ml, 1L	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	OVR-2
3	Florfenicol 300	Florfenicol	Chai	25, 50, 100, 250, 500ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, đường sinh dục, niệu, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	OVR-3
4	Vermectin Premix Porcinos	Ivermectin	Hộp	1kg, 5kg	Phòng, trị nội ngoại ký sinh trùng trên lợn	OVR-4

PERU

1. Công ty Pharmadix Corp

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Nitronix®34	Nitroxynil	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán lá gan, ruồi sinh giòi trong mũi, giun tròn	PCP-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Bovimec®L.A	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	PCP-2
3	Tolfen L.A.8%	Acid tolfenamic	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, dê, lợn	PCP-3
4	Fipronex®	Fipronil	Chai	55; 110; 275; 550ml	Phòng và trị bọ chét, ve, rận, ghẻ trên chó, mèo	PCP-4

ẤN ĐỘ (INDIA)

1. Công ty Alembic Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Bacipen Injection (Ampicillin Injection BP)	Ampicillin sodium BP	Lọ	2g	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-)	ALBI-1
2	Fortified procaine Penicillin Inj. BP 40 Lacs	Procain penicillin BP, Benzylpencillin sodium	Lọ	4.000.000UI	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+)	ALBI-2

2. Công ty Arosol Chemical PVT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Liverolin liquid	Thảo dược: Solanum nigrum, Tephrosia purpurea	Lọ, chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh gan, loại bỏ độc tố Aflatoxin	ARSI-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Skincure spray	Pinus roxburghii, Cedrus deodara oil, Eucalyplus globules oil, Curcuma longa	Chai	90; 200; 450ml	Xịt vết thương, các trường hợp nhiễm trùng, vết thương có dòi, tổn thương	ARSI-2
3	Pet grow	Calcium, Phosphorus, Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin B_{12}	Chai	200ml	Trị suy nhược, thiếu máu, khô mắt, quáng gà trên chó, mèo	ARSI-3
4	Aronica wash	Arnica montana, China officinalis, Cantharis vesicatoria, Peet phen	Chai	200ml	Trị lông rối, mùi hôi, lông da khô, rụng lông, vảy trên da trên chó, mèo	ARSI-4
5	Pet liv	Silybum marianum, Phyllanthus niruri, Eclipta alba, Tephrosia purpurea, Solanum nigrum, Fumaria indica, Boerhaavia diffusa, Taraxacum officinalis, Embelia ribes, Tecoma undulata, Ocimum sanctum extract	Chai	200ml	Trị viêm gan, hội chứng gan nhiễm mỡ, gan đại phì, chứng xơ gan, viêm túi mật, giải độc tố Aflatoxin trên chó, mèo	ARSI-5

3. Công ty Ayurvet Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Stresroak	Thảo dược, Phyllanthu emica, Whithania sanctum, Mangifera indica	Chai Bình	50; 125; 500ml; 2; 5; 200l	Dùng trị chống sốc cho gia cầm và tăng cường sức đề kháng cho cơ thể	DAL-1
2	Diaroak	Thảo dược, Acacia catechu, Aegle marmelos, Andrographis panicultata, Berberis aristata, Hylarrhoea	Gói Túi	30; 100; 200; 400g 1; 2; 5; 15kg	Đặc trị bệnh đường ruột cho gia súc, gia cầm	DAL-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	SuperLiv	Thảo dược (herbal ingredients)	Chai, can	500ml; 1; 2; 5; 200 lít	Thuốc bổ gan cho gia cầm	DAL-3
4	Exapar	Thảo dược, Aloe barbadensis, Aristolochia indica, Gloriosa superba, Lipidium sativum,…	Chai	500ml; 1 lít	Giúp tống nhau thai ra ngoài đúng lúc, điều tiết lượng sản dịch, thúc đẩy quá trình thu teo của tử cung	DAL-4
5	Payapro	Asparagu racemosus, Foeniculum vulgare, Cuminum cyminum, Puerarie tuberosa, Leptadenia reticulata, Glycyrrhiza glabra, Negella sativa	Túi	1; 5; 15; 20kg	Phòng và trị bệnh mất sữa, tắc sữa và thiếu sữa ở lợn nái	DAL-5
6	Mastilep	Cedrus deodara, Curcuma longa, Eucalyptus globulus, Glycyrrhiza glabra, Paedaria foetida, Sulphur	Tuýp	125g	Trị viêm vú	DAL-6

4. Công ty Cipla Vetcare

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Otcvet la 20% inj	Oxytetracyclin 20%	Lọ, chai	10ml; 20ml, 50ml, 100ml	Phòng trị viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, tiêu chảy trên lợn, trâu, bò, viêm phổi,…	CIPLA-01
2	Enrovet 5% inj	Enrofloxacin 5%	Lọ, chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng trị suyễn lợn, viêm phổi, viêm ruột do E.coli, Salmonella, E.coli dung huyết,…	CIPLA-02

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Enrovet 10% inj	Enrofloxacin 10%	Lọ, chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng trị suyễn lợn, viêm phổi, viêm ruột do E.coli, Salmonella, E.coli dung huyết,…	CIPLA-03
4	Enrovet 10% Oral solution	Enrofloxacin 10%	Lọ, chai, can	100ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng, trị hen gà CRD, hen ghép CCRD, các bệnh tiêu chảy do E.coli, Salmonella, tụ huyết trùng, sưng đầu khẹc vịt, Coryza	CIPLA-04
5	Enrovet 2.5% Oral solution	Enrofloxacin 2,5%	Lọ, chai, can	100ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng, trị hen gà CRD, hen ghép CCRD, các bệnh tiêu chảy do E.coli, Salmonella, tụ huyết trùng, sưng đầu khẹc vịt, Coryza	CIPLA-05
6	Doxycip 20% Doxycycline Oral Powder 20% w/v	Doxycycline 20%	Gói, bao	50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg	Phòng trị CRD, Coryza, tiêu chảy do E.coli, Salmonella, viêm ruột hoại tử trên gia súc, gia cầm	CIPLA-06
7	Ivocip inj Ivermectin 1% Inj	Ivermectin 1%	Lọ, chai	20ml, 50ml, 100ml	Thuốc tiêm trị ghẻ Sarcoptes, tẩy giun và trị các loại nội, ngoại ký sinh trùng khác	CIPLA-07
8	Vetpro 20% Amprolium 20% Soluble Powder	Amprolium 20%	Gói, bao	100; 200; 500g 1; 5kg	Trị cầu trùng cho gia súc, gia cầm	CIPLA-08
9	Vetpro 60% Amprolium 60% Soluble Powder	Amprolium 60%	Gói, bao	100; 200; 500g 1; 5kg	Trị cầu trùng cho gia súc, gia cầm	CIPLA-09
10	OTC Vet 5% Inj Oxytetracyclin inj	Oxytetracyclin	Lọ, chai	10; 50; 100ml	Phòng trị viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm đường tiết niệu	CIPLA-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Vetraz	Amitraz	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị ghẻ Sarcoptes và Demoec. Trị ve, rận và các loài ngoại ký sinh trùng khác	CIPLA-12
12	Tylocip 50% powder	Tylosin tartrate	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Đặc trị các bệnh hen gà CRD, trị bệnh lỵ heo	CIPLA-13
13	Novaclox 2000	Amoxycillin Cloxacillin	Hộp, lọ	2g	Trị bệnh viêm phổi, tiêu chảy	CIPLA-14
14	Cipcox 2,5% sol (Totrazuril 2,5%)	Totrazuril	Chai	100ml, 500ml, 1 lít	Trị bệnh cầu trùng cho gia cầm	CIPLA-15
15	Genta Dox	Gentamicin Doxycyclin	Gói	100g, 500g, 1kg	Trị bệnh tiêu chảy, viêm ruột	CIPLA-16
16	Advocip 2,5%	Danofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Đặc trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, bê, nghé, lợn	CIPLA-17
17	Advocip	Danofloxacin	Gói	75; 150g	Đặc trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	CIPLA-18
18	Trycip	Diminazen-diaceturate, Phenazone BP	Gói	2,36; 4,72; 7,08; 9,44; 11,8g	Điều trị các bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò	CIPLA-19
19	Megaclox	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Syringe	5g	Điều trị viêm vú trên bò sữa do các vi khuẩn nhạy cảm với Cloxacillin	CIPLA-20
20	Clinvet	Clindamycin hydrochloride USP	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Clindamycin gây ra cho chó, mèo	CIPLA-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
21	Vitavet Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 30; 100; 120; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin A, D_3, E cho trâu, bò, bê, nghé, lợn, cừu, ngựa	CIPLA-22
22	OTC 20%	Oxytetracyclin hydrochloride	Gói	50, 100, 200, 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra cho gia cầm	CIPLA-23
23	Benvet-600	Abendazole USP	Viên	5 viên/vỉ (2vỉ/hộp)	Trị giun, sán cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, lạc đà, hươu, nai	CIPLA-24
24	Micohex	Miconazole nitrate, Chlorhexidine gluconate	Lọ	100; 250ml; 2,5l	Trị viêm tuyến bã nhờn, viêm da do nhiễm khuẩn và nhiễm nấm trên da chó, ngựa	CIPLA-26
25	Prazivet Plus Tablets	Pyratel Pamoate, Praziquantel, Febantel	Viên	670mg	Trị sán dây, giun tròn trên chó	CIPLA-27
26	Clavet-250	Amoxicillin, Acid Clavulanic	Viên	850mg	Trị nhiễm khuẩn mô mềm, hô hấp, tiết niệu, viêm ruột, viêm lợi trên chó, mèo	CIPLA-28
27	Heartcare Chewable (for dogs up to 11kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	6,41g	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-29
28	Heartcare Chewable (for dogs 12 to 22kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	6,64g	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
29	Heartcare Chewable (for dogs 23 to 45kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	7,78g	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-31
30	Heartz (for medium size dogs 12 to 22kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	770mg	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-32
31	Cipcox 5% Suspension	Toltrazuril	Lọ	100ml	Trị tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên lợn con	CIPLA-33
32	Butafan	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, trao đổi chất trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	CIPLA-34

5. Công ty Rfcl Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrocin 10% Injection (Enrofloxacin 10% Inj)	Enrofloxacin	Lọ, chai	10; 15; 30; 50; 100; 250ml	Trị bệnh CRD, viêm phổi, tiêu chảy	RBXI-1
2	Enrocin (Enrofloxacin 10% oral Solution)	Enrofloxacin	Lọ, chai, can	15; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh CRD, viêm phổi, tiêu chảy	RBXI-2
3	Capsola	Calcium, Phospho, Vitamin D_3, B_{12}	Lọ, chai, can	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu canxin, phospho, mềm xương	RBXI-3
4	Ticomax	Fenvalerate (20% EC)	Lọ, chai	10; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Thuốc trị ngoại ký sinh trùng: ve, mạt, rận,…	RBXI-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Caldivet-B_{12}	Calcium, Vitamin B_{12}, D_3, Cholin	Lọ, chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu canxin, phospho, loãng xương	RBXI-6
6	B-Complex oral liquid-5X	Vitamin B_2, B_6, B_{12}, B_5, PP	Lọ, chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RBXI-7

6. Công ty Vetoquinol India Animal Health Private LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tilox	Ampicilline, Cloxacillin	Hộp	6 syringes (5g/syringe)	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp	WVI-3
2	Caldee - Forte	Ca, P, Co, Fe^{3+}, Vit D_3, B_{12}, Lipase, Phytase, Xylanase	Chai	500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	WVI-4
3	Woktrin	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm ruột, viêm đường tiết niệu, viêm thứ cấp trên gia súc, chó, mèo	WVI-5
4	Meriquin	Enrofloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh sản, viêm tai, viêm mô mềm trên gia súc, gia cầm	WVI-6
5	Norwin injection	Norfloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin	WVI -7
6	Wolicyclin 10%	Oxytetracycline HCl	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên gia súc, gia cầm	WVI -8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Beekom-L	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, Niacinamid, Choline chloride, crude liver extract	Chai	50; 100ml	Trị viêm gan, bỏ ăn, biếng ăn, giảm ngon miệng, suy nhược, viêm da, trên gia súc, gia cầm	WVI-9
8	Caldee-12	Calcium, Vitamin D_3, B_{12}	Chai	30; 100ml	Phòng và trị thiếu canxi, suy nhược, mất sức	WVI-10
9	Woktrin Dispersible Powder	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, hộp	100; 500g	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm ruột, viêm đường tiết niệu, viêm thứ cấp trên gia súc, heo, dê, cừu, chó, mèo	WVI-11

7. Công ty Tetragon Chemie PVT. LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Notix-CP	Cypermethrin 10%	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1l	Kiểm soát ngoại ký sinh trùng ve, ruồi, rận chấy trên trâu, bò, dê, cừu, chó mèo và gà	TETRA-1

8. Công ty Ashish Life Science PVT. LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ashienro 5%	Enrofloxacin	Lọ	15; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm thận do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên chó, mèo, trâu bò, dê, cừu, lợn	ALS-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Ashienro 10%	Enrofloxacin	Lọ	15; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm thận do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu bò, dê, cừu, lợn	ALS-2
3	Calvitam	Calcium,Vitamin D_3, B_{12}	Chai	30ml; 100ml	Phòng và trị giảm can xi huyết, suy nhược, tình trạng yếu ớt, cải thiện sức khỏe	ALS-3
4	Ashoxy Egg	Oxytetracycline HCl, Vitamin A, D_3, B_2, B_{12}, E, K_3, Nicotinamide, Calcium pantothenate	Gói, bao	100g; 1; 5kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, giảm stress trên gia cầm	ALS-4

9. Công ty Venky's (India) Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vendox-N	Neomycin; Doxycyclin	Túi	50g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn Mycoplasma, CCRD, nấm, protozoa	VIL-1
2	Colis-V	Colistin sulfate	Túi	200g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do các vi khuẩn nhạy cảm với colistin gây ra trên gia cầm, bê nghé, dê, cừu và lợn	VIL-2
3	Ventrimisole	Levamisole hydrochloride	Túi, gói	100; 500g	Tẩy giun tròn trên bê, lợn, dê, cừu, gia cầm, chó	VIL-3
4	Venflox	Enrofloxacin	Chai, can	1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu trên gia cầm	VIL-4

10. Công ty Vital Therapeutics & Formulations PVT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitrocin oral liquid	Enrofloxacin	Chai	500ml; 1; 5 lít	Trị CRD, nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, viêm phế quản, Colibacillosis, nhiễm trùng máu trên gia cầm	VTF-1

11. Công ty Sequent Scientific

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sequleva Plus	Levamisole HCl Oxyclozanide	Can nhựa	100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị giun sán ở gia súc	SSL-1
2	Sequzole 2.5%	Albendazole U.S.P	Can nhựa	100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị giun sán ở gia súc	SSL-2
3	Teroxylin 20%	Oxytetracycline Dihydrate	Lọ	30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	SSL-3
4	Sequenro	Enrofloxacin	Lọ	30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa ở gia súc	SSL-4
5	Flyfall	Cyromazine	Gói	100g; 1kg	Thuốc diệt ruồi và ấu trùng ruồi	SSL-5
6	Butaphos	Butaphosphan; Cyanocobalmin	Chai	50; 100ml	Trị rối loạn chuyển hóa, phục hồi sức khỏe, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hóa do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	SSL-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	Vitaboost	Vitamin A, D_3, K_3, E, Niacinamide, Folic Acid, Thiamin HCl, Cholin Chloride, Riboflavin, Biotin, Pyridoxin HCl, D-Panthanol, Taurin	Chai	50; 100ml	Phòng trị bệnh do thiếu Vitamin trên trâu, bò, cừu, lợn	SSL-7
8	N-dox	Neomycin (sulphate), Doxycycline HCl	Gói	100g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, gia cầm, lợn	SSL-8

12. Công ty Vetlife Pharmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vet-Mycin	Gentamycin sulfate	Chai	2; 10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin trên trâu, bò, chó, mèo	VPI-1
2	Vetmox-50	Amoxycillin trihydrate	Túi, bao	100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	VPI-2
3	Vetdox-N	Doxycycline HCl, Neomycin sulfate	Túi, bao	50; 100; 200; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	VPI-3
4	Vetoli-20ws	Colistin sulfate	Túi, Bao	50; 100; 200; 500g, 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	VPI-4

13. Công ty International Biologicals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Bioflox	Enrofloxacin	Chai	100; 250ml; 1lít	Trị hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	IBC-1
2	Bioflox vet	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	IBC-2
3	Biodox-N	Doxycycline HCl, Neomycin sulphate	Túi	100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	IBC-3
4	Biomox 20	Amoxycillin trihydrate	Gói	100g, 1kg, 5kg	Trị bệnh nhiễm trùng, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	IBC-4

14. Công ty Intas Pharmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Flobac-SA™	Enrofloxacin	Lọ, chai	30ml; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng huyết, viêm vú, viêm nội mạc tử cung trâu, bò, lợn, chó	INP-1
2	Quinintas	Enrofloxacin	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia cầm	INP-2

15. Công ty P.V.S Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cotrim FS	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Gói, bao	100; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	PVS-1
2	Cotrim	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột, nhiễm trùng huyết trên bê, nghé, heo, gia cầm	PVS-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	E-Cin	Enrofloxacin	Chai	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo	PVS-3
4	E-Cin WS	Enrofloxacin	Gói, bao	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên gia cầm	PVS-4
5	Enroliq	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, trên gia cầm	PVS-5
6	Dox-N-WS	Doxycycline HCl, Neomycin sulfate	Gói, bao	100; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm	PVS-6
7	Enroliq-20	Enrofloxacin	Lọ, can, bình	100; 250; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	PVS-7
8	Dox-20WS	Doxycycline	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PVS-8
9	Enroliq-B	Enrofloxacin, Bromhexine	Lọ, can, bình	100; 250; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	PVS-9
10	Pmox-20	Amoxycillin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi mãn tính, viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, lợn, gia cầm	PVS-10
11	Pmox-50	Amoxycillin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi mãn tính, viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, lợn, gia cầm	PVS-11
12	Cepine	Cephalexin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị E.coli, Salmonella, Coryza, viêm da trên gia cầm; Trị sốt không rõ nguyên nhân, nhiễm trùng vết thương, mô mềm trên cừu	PVS-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	P-Dox	Doxycycline, Vitamin C	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị E.coli, Salmonella, tụ huyết trùng, Cory, CRD trên gia cầm, gia súc	PVS-13
14	Ampi-CS	Ampicillin, Colistin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	PVS-14
15	Colitrim	Colistin, Trimethoprim	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PVS-15
16	Diclaz	Diclazuril	Chai, bình, can	100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị bệnh cầu trùng trên cừu, lợn, thỏ, gà	PVS-16
17	Dox-B	Doxycycline, Bromhexine	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu trên trâu, bò, heo, gia cầm	PVS-17
18	Doxy-TT-200WS	Doxycycline, Tylosin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	PVS-18
19	Mulin	Tiamulin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, lỵ trên heo, gia cầm	PVS-19
20	Pmox-CSD	Amoxycillin, Colistin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu, nhiễm trùng kế phát trên bê, nghé, cừu, heo, gia cầm	PVS-20
21	PVS-Traz-12.5	Amitraz	Chai, bình, can	100; 250; 500 ml; 1; 5l	Diệt ve, bọ chét ngoài da trên trâu, bò, heo	PVS-21
22	Tilmicos	Tilmicosin	Chai, bình, can	100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm	PVS-22
23	Tilmicos-20	Tilmicosin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo, gia cầm	PVS-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Vita Gold Super	Vitamin A, B_1, B_2, B_{12}, D_3, E, C, K, Inositol, Niacinamide, Calcium pantothenate, Manganese, Zinc sulfate	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, còi cọc, chậm lớn, tăng cường sức đề kháng trên gia súc, gia cầm	PVS-24

16. Công ty P.V.S Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ani-Dox-N WS	Doxycycline, Neomycin	Gói, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PAH-1
2	Anitrim-SD	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PAH-2
3	Animox-50	Amoxycillin	Gói, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	PAH-3

17. Công ty Ultra Drugs

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Flenro	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, viêm phổi, viêm vú trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	UDP-1

18. Công ty Vetbiochem India

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Doxychem	Doxycycline hydrochloride	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên lợn, gia cầm	VBC-1
2	Enrocept	Enrofloxacin	Bình	1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	VBC-2
3	Polymyxin	Colistin sulphate	Gói	200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột trên gia cầm	VBC-3
4	Vetbiotyl	Tylosin tartrate	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do Mycoplasma, viêm phổi, viêm ruột trên gia cầm	VBC-4

19. Công ty Harshvardhan's Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Enzotab™	Sodium Dichloroisocynurate	Ống/Viên	10 viên	Khử trùng nước uống, sát trùng chuồng trại	HLI-1

BELGIUM

1. Công ty V.M.D.N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	VMD-Supervitamins	Vit A, D_3, E, C, K_3, B_2, B_6, B_3, B_5, B_{12}, Iode, Mn, Cu, Zn, Fe	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, kích thích tăng trưởng	VMD-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	VMD-Oligovit plus	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_2, B_6, B_3, B_5, B_{12}, H, Methionin, Lysin, Na_2SO_4, $MnSO_4$, $ZnSO_4$, $FeSO_4$, KCL	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100g; 1; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, kích thích tăng trưởng	VMD-2
3	VMD-Aminovit	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_2, B_6, B_3, B_5, Methionin, Lysin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, kích thích tăng trưởng	VMD-3
4	Tyloveto-S	Tylosin tatrate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh hô hấp trên bò, cừu, lợn, gia cầm	VMD-4
5	Tyloveto-20	Tylosin tatrate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh hô hấp trên bò, cừu, lợn, gia cầm	VMD-5
6	Ampiveto-20	Ampicillin trihydrate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm vú,…	VMD-6
7	Gentaveto-5	Gentamicin sulfate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm vú,…	VMD-7
8	Pen-30	Penicillin G	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin gây ra	VMD-8
9	Pen-Strep 20/20	Penicillin, Streptomycin	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin hay Streptomycin gây ra	VMD-9
10	Methoxaprim	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulfamethoxazole	VMD-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	Pen LA 15/15	Procain penicillin G, Benzathine penicillin G	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin hay Streptomycin gây ra	VMD-11
12	Flumeq-50S	Flumequine	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia cầm, trâu bò	VMD-12
13	Retardoxi-20LA	Oxytetracycline	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm phế quản	VMD-13
14	Multivitamin	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, C, K_3, PP	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Phòng trị các bệnh do thiếu vitamin	VMD-14
15	Vitamin E + Selenium	Vitamin E, Selenium	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin E và Selenium	VMD-15
16	Ampicillin Trihydrate	Ampicillin trihydrate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Điều trị bệnh đường hô hấp trên	VMD-16
17	Vitamin AD_3E 50/25/20	Vitamin A, D_3, E	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	VMD-17
18	Dexaveto-O.2	Dexamethason sodium phosphate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Kháng viêm, chống dị ứng, stress, sốc	VMD-18
19	Flumeq-10S	Flumequin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia cầm, trâu bò	VMD-19
20	Oxytetracycline-10	Oxytetracycline	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, dạ dày ruột, viêm tử cung, viêm vú,…	VMD-20
21	Diminaveto	Diminazene aceturate, antipurine	Gói	2,36; 23,6g	Phòng, trị ký sinh trùng đường máu	VMD-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
22	CTC-Oblets	Chlotetracycline	Hộp	100 viên	Phòng và trị viêm tử cung	VMD-22
23	Amoxytveto-15S	Amoxycillin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	VMD-23
24	Coliveto-1000	Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Trị viêm ruột, Ecoli, thương hàn, bạch lỵ ở gia cầm	VMD-24
25	Doxyveto-50S	Doxycycline sulfate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr(+) gây ra	VMD-25
26	Oxytetracycline Spray Blue	Oxytetracycline	Chai	200ml	Trị viêm đường hô hấp, dạ dày ruột, viêm tử cung, viêm vú	VMD-26
27	Fenylbutazon-20	Phenylbutazon	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị viêm khớp, viêm cơ, viêm gân, viêm dây chằng tử cung	VMD-27
28	Amprolium-20S	Amprolium	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng, trị cầu trùng ở gia cầm, cừu, dê và bê	VMD-28
29	L-Spec 5/10	Licomycin, Spectomycin	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do Mycoplasma gây ra, viêm khớp, viêm phổi	VMD-29
30	L-Spec 100S	Licomycin, Spectomycin	Gói, hộp	20; 30; 50; 100g; 150g; 1.5kg	Điều trị bệnh do Mycoplasma gây ra, viêm khớp, viêm phổi	VMD-30
31	Polydry	Benzathine cloxacillin, Neomycin	Ống bơm	9g	Phòng và trị viêm vú	VMD-31
32	Diaziprim 48%S	Trimethoprim, Sulfadiazine sodium	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Điều trị viêm dạ dày ruột, viêm đường hô hấp, tiết niệu	VMD-32
33	XYL-M2	Xylazini hydrochloridium	Lọ	25; 50; 100ml	Giúp an thần trong vận chuyển, đóng móng, cưa sừng, tiền gây mê	VMD-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34	Polymast	Colistin, Oleandomycin	Gói	10g	Điều trị viêm vú	VMD-35
35	Myogaster-E	Vitamin E, Selenium	Chai, bình	25; 50; 100; 500; 1ít	Bổ sung Vitamin E, Selenium	VMD-36
36	Amoxyveto-15	Amoxycilin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu	VMD-40
37	Amoxyveto-50S	Amoxycilin trihydrate	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột, tiết niệu, da trên heo, bê, gia cầm	VMD-41
38	Coliveto-4800S	Colistin sulfate	Gói	20; 30; 50; 100g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột trên bê, cừu, thỏ, gia cầm	VMD-42
39	Florattaq-10	Florfenicol	Chai	100ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	VMD-43
40	Iverveto-0,2 premix	Ivermectin	Bao	1; 5; 10; 25kg	Phòng trị nội, ngoại ký sinh trùng	VMD-44
41	IVERVETo-1	Ivermectin	Chai	50; 100; 250ml	Phòng trị nội, ngoại ký sinh trùng	VMD-45
42	Univerm total	Praziquantel	Hộp, lọ	20 viên/hộp; 200 viên/lọ	Trị sán dây, giun tròn trên chó	VMD-46
43	V.M.D - Tiamulin 10% premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	1; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp	VMD-47
44	V.M.D - Tiamulin 50 S	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100; 500g	Trị bệnh hô hấp	VMD-48

2. Công ty Kela Laboratoria N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxy - Kel 10 Inj	Oxytetracycline HCl	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày ruột, sinh dục, nhiễm trùng da, viêm phổi	KELA-1
2	Oligovit Inj	Vit A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, PP, Mg, Co, Zn, Mn, DL Methionin	Lọ	100ml	Trị các bệnh về stress, hồi phục bệnh do nhiễm trùng, tăng trưởng chậm	KELA-2
3	Phenoxyl L.A 20%	Oxytetracycline L.A	Lọ	25; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung,…	KELA-3
4	Ampitras 20%	Ampicillin	Lọ	25; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm tai giữa, viêm đa khớp, viêm tử cung, tiêu hóa, bệnh viêm phổi	KELA-4
5	Combistress	Acepromazine maleate, Natri methylis, natri methabisulfis, paraydroxybenzoas	Lọ	25; 50; 100; 250ml	Phòng và trị triệu chứng nôn mửa do vận chuyển; làm thuốc tiền mê	KELA-5
6	Tylosine 20%	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, bệnh do Mycoplasma	KELA-6
7	Pendistrep L.A	Penicillin, Streptomycin	Lọ	25; 50; 100, 250ml	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng máu, áp xe, bệnh đường tiết niệu	KELA-7
8	Vitamine B-complex Hepatis Extractum	Vitamin nhóm B, Hepatis extractum	Lọ	25; 50; 100, 250ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	KELA-8

3. Công ty Janssen Pharmaceutica N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Flubenol 5%	Flubendazole	Bao thùng	100; 500; 600g; 1; 6; 12; 25; 50kg	Trị các bệnh giun sán trên gia súc, gia cầm	JSPB-3

4. Công ty Taminco NV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Choline Chloride 50% on silica carrier	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	UCB-4
2	Choline Chloride 75% aqueous solution	Choline chloride	Thùng	221 lít	Bổ sung Choline chloride	UCB-5

5. Công ty Sanico NV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Solubenol	Flubendazole	Hộp, túi	20; 100; 500g	Trị các bệnh giun sán trên lợn, gia cầm	SNV-1

BANGLADESH

1. Công ty Renata Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Doxivet Powder	Doxycycline	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm	RLB-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Renamycin Soluble Powder	Oxytetracycline	Gói	100g; 1kg	Trị viêm màng hoạt dịch truyền nhiễm, bệnh cầu trùng viêm ruột trên bê, lợn, dê, cừu, gia cầm	RLB-2
3	Cal-D-Mag	Calcium, Magnesium, Chlorocresol, Boric acid	Chai	200ml	Trị giảm canxi, Magiê, gluco trong máu, chứng co giật, Ketosis, hỗ trợ diệt giun sán	RLB-3
4	Catophos vet injection	Butaphosphan, Cyanocobalamin	Chai	10; 30; 100ml	Trị rối loạn chức năng trao đổi chất, hỗ trợ sinh sản, bồi bổ cơ thể do làm việc quá sức, kiệt sức, tăng cơ bắp và sức	RLB-4
5	Renaquine 10% Powder vet	Flumequine	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	RLB-5
6	Renamox 15% vet	Amoxicillin	Gói	100g; 1kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, THT, viêm ruột hoại tử, thương hàn trên bê, nghé, heo, gia cầm	RLB-6
7	Remulin 45% Powder vet	Tiamulin	Gói	20; 100g; 1kg	Trị hô hấp mãn tính trên lợn, gia cầm	RLB-7
8	Enrocin Oral solution	Enrofloxacin	Chai	100ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng đường sinh dục trên bê, nghé, lợn, gia cầm	RLB-8
9	Rena B+C Premix	Thiamine, Vit B_2, C Calcium-D Pantothenate, Pyridoxine, Vit B_{12}, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin	Gói	100g; 1kg	Tăng cường chức năng miễn dịch, thúc đẩy sự phát triển hệ thần kinh	RLB-9
10	Coxicure	Sulphaclozine sodium monohydrate	Gói	10; 100g; 1; 5; 20kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	RLB-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Vitaphos®	Toldimphos sodium; Vitamin B_{12}	Chai	10; 30; 50; 100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu, bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	RLB-11
12	Hemovit®	Vitamin B_1; B_2; B_3; B_5; B_6; B_{12}; Fe; Coban; Cu	Chai	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu, thiếu vitamin B-complex trên gia súc, gia cầm	RLB-12

CANADA

1. Công ty Interfeed

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitaject-6 Solution	Vitamin A, E	Thùng	200 lít	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin A, E	ITF-1
2	Optimal Vita-Elec. Plus	Multi vitamin + Electrolyte	Gói, thùng Bao	5kg, 10kg 25kg	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	ITF-2
3	Optimal Vita-Elec 16	Vitamin + Electrolyte	Gói, thùng	5kg, 10k, 25kg	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	ITF-3
4	Optimal Vita-Elec 18	Multi vitamin + Electrolyte	Gói, thùng	5kg, 10, 25kg	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	ITF-4

EGYPT

1. Công ty Adwia

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Lincospectoject	Lincomycin HCl, Spectinomycin	Chai	10; 50; 100ml	Trị bệnh suyễn lợn, viêm khớp	ADWIA-3

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Enrotryl Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml, 1 lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr(-), Gr(+)	ADWIA-4
3	Doxycycline - C	Doxycycline hyclate Colistin sulphate	Gói, hộp	50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh hen gà, suyễn lợn và các bệnh tiêu chảy	ADWIA-5

HUNGARY

1. Công ty Biogal Pharmaceutical Works

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Neo-Te-Sol	Oxytetracyclin chloride, Neomycin sulphate	Gói	50; 250; 1000g	Phòng và trị các bệnh đường ruột và đường hô hấp ở gia súc	BIOG-01

IRELAND

1. Công ty Franklin

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampicillin 10% Inj	Ampicillin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	FK-1
2	Ampicillin Inj	Ampicillin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh gây ra do vi khuẩn Gr (-), Gr(+)	FK-2
3	Amoxycol 10-250 Inj	Amoxyllin	Chai	100ml	Viêm dạ dày - ruột, phù đầu, E-coli, thương hàn	FK-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Ampi-Coli Inj	Ampicillin, Colistin	Chai	100ml	Viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung,..	FK-4
5	Francotrim Inj	Sulfa, Trimethoprim	Chai	100ml	Tác dụng với vi khuẩn Gr (-), Gr(+)	FK-7
6	Oxytetracycline 10% Inj	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Điều trị viêm ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, phó thương hàn	FK-8
7	Penstrep 20/20 Inj	Penicillin, Streptomycin	Chai	100ml	Điều trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung,..	FK-9
8	Becoject Inj	Vitamin nhóm B	Chai	100ml	Cung cấp các vitamin nhóm B	FK-10
9	Ferropen 100 Inj	Iron Dextran	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu sắt ở heo con	FK-11
10	Levaject 10% Inj	Levamisole	Chai	100ml	Trị giun	FK-12
11	Genta Pig Pump Inj	Gentamicin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn Gr(-)	FK-13
12	Vitamin AD_3E Fort Inj	Vitamin A, D, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	FK-14
13	Dexaject Inj	Dexamethason	Chai	100ml	Kháng viêm, chống nhiễn trùng	FK-15
14	Multivitamin Inj	Vitamin tổng hợp	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	FK-16
15	Gentaflum 5% Inj	Gentamicin	Chai	100ml	Phòng, trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn Gr(-)	FK-17
16	Vitol Fort Inj	Vitamins	Chai	100ml	Ngừa stress, cung cấp vitamin	FK-18
17	Amino Vitasol Bột	Vitamin tổng hợp	Hộp	1; 100kg	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	FK-19
18	Vitasol Liquid dung dịch uống	Vitamin tổng hợp	Chai	100ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	FK-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
19	Tiamulin 10% Inj	Tiamulin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, hồng lỵ	FK-22
20	Tiamulin 25% Inj	Tiamulin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, hồng lỵ	FK-23
21	Tiamulin 100 WSP	Tiamulin	Gói	100g	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, hồng lỵ	FK-24
22	Vitaminal dung dịch uống	Vitamin tổng hợp	Chai	100ml; 1 lít	Bổ sung vitamin, đặc biệt trong giai đoạn stress, duy trì nhu cầu dinh dưỡng	FK-25
23	Gentaject F Inj	Gentamicin	Chai	100ml	Trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn Gr(-)	FK-26
24	Kanaject 10% Inj	Kanamycin	Chai	100ml	Trị viêm khớp, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	FK-27
25	Kanaject 20% Inj	Kanamycin	Chai	100ml	Trị viêm khớp, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	FK-28
26	Oxytocin S Inj	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, PTH	FK-29
27	Tylosin 10% Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hồng lỵ	FK-30
28	Tylosin 20% Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hồng lỵ	FK-31
29	TSO Suspension	Trimethoprim, Sulfamethosazole	Chai	200; 500ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	FK-32
30	Eryject C Inj	Erythromycin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu	FK-34
31	Doxysol C WSP	Doxycillin	Gói	100g; 1kg	Trị CRD E.coli, Shigella, Samonella, Mycoplasma	FK-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
32	Lincoject S Inj	Lincomycin	Chai	100ml	Trị bệnh do staphylococci, Streptococci, Erysipelothrix, Mycoplasma	FK-36
33	Lincocol WS	Lincomycin	Gói	100g; 1kg	Trị các bệnh do Staphylococci, Streptococci, Erysipelothrix, Mycoplasma	FK-37
34	Amprolium 20% Powder	Amprolium	Gói	100g; 1kg	Phòng và trị cầu trùng	FK-42
35	Flumed 100	Flumequine	Gói	100g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-), đặc biệt E-coli, Salmonella	FK-44
36	Entsol 20% Oral Liquid	Flumequine	Chai	200; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-), đặc biệt là E-coli, Salmonella	FK-45

2. Công ty Norbrook

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Duracycline	Oxytetracycline	Chai	50; 100ml	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	NBR-1
2	Amoxisol LA	Amoxcylin	Chai	50; 100ml	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	NBR-2
3	Bavitsole combivit	Vit B_1, B_2, B_6, C, PP	Chai	50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin	NBR-3
4	Trisuprime	Trimethoprim, Sulphadiazine	Chai	20; 50; 100; 250ml	Chống nhiễm khuẩn trên gia súc	NBR-4
5	Duranixin LA	Oxytetracycline, Flunixin	Chai	100ml	Trị viêm đường hô hấp và các nhiễm trùng khác trên trâu, bò, heo, dê, cừu	NBR-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Alamycin LA 300	Oxytreacycline	Chai	100ml	Trị viêm phổi, viêm teo mũi, viêm khớp, viêm rốn, viêm vú bò, đỏ mắt ở cừu	NBR-7
7	Vetamox LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu - sinh dục, da và mô mềm, nhiễm trùng sau phẫu thuật trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo	NBR-8

3. Công ty Univet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gentadox 10/8 Powder	Doxycyclin hydrochloride, Gentamicin sulphate	Gói, hộp	100g; 1; 5kg	Điều trị CRD, Colibacillosis, Staphylococciosis	UNIVET-1
2	Pentomycin	Procaine Penicillin G, Dihydros-treptomycin	Chai	50; 100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin và Streptomycin	UNIVET-2
3	Trioxyl LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa	UNIVET-3
4	Multivit Injection	Vitamin A, D_3, E, nhóm B	Chai	50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin	UNIVET-4
5	Vitamin A, D_3&E Oral Liquid	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin	UNIVET-5

4. Công ty Ballinskelligs Veterinary Products (BVP Ltd)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Entril 10 Injection	Enrofloxacine	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-), Gram(+) nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra trên trâu, bò, lợn	BVP-1
2	Entril 20 Oral	Enrofloxacine	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-), Gram(+) nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra trên gia cầm	BVP-2
3	BVP Calcium 40 Plus Injection	Calcium, Magnesium, Phosphorous	Chai	400ml	Trị bệnh giảm canxi huyết, thiếu magie, phốt pho trên trâu, bò	BVP-3
4	Paramec 10 ADE	Ivermectin, Vitamin A, D, E	Chai	10; 50; 100; 500ml	Trị giun tròn, giun phổi, giun mắt, giòi, ve, ghẻ, rận trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BVP-4

SCOTLAND

1. Công ty Kilco International

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Liqavite	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, nicotinic, pantothenic acid, Zn, Mn, Mg, Cu, lysin, methionin	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Cung cấp, phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, khoáng và axit amin	KILCO-1

TAIWAN

1. Công ty China Chemical & Pharmaceutical

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Penimycin - S Inj	Penimycin	Lọ	20; 100ml	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr(+) gây ra	CCP-4

2. Công ty Ruey Shyon Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gapozin Inj	Cephalothin	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh viêm phổi, viêm tử cung, hô hấp mãn tính ở gia cầm	RSPT-1
2	Cephalothin Inj	Cephalexin soluble	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh đóng dấu son, viêm não tủy, tụ huyết trùng	RSPT-2
3	Cephalexin Soluble Powder	Kanamycin sulfate	Gói	10; 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đóng dấu son, viêm não tủy, tụ huyết trùng	RSPT-3
4	Kanamycin Inj	Ampicillin sodium	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh viêm phổi, nhiễm trùng hô hấp	RSPT-4
5	Penbritin Inj	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh viêm phổi, sốt	RSPT-6
6	Spectlincomycin Inj	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh đóng dấu son, viêm não tủy, tụ huyết trùng, sưng phổi	RSPT-7
7	Tylosin Inj	Tylosin tartrate	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	RSPT-8

3. Công ty Hung Chang Pharmaceutical Ltd

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Lincospemycin	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Chai	20; 100ml	Trị viêm phổi, ho, viêm ruột, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, CRD trên trâu, bò, cừu, heo, gà	HCP-1
2	Fersmin H.C	Iron dextran, Cyanocobalamin	Chai	20; 100ml	Phòng và trị chứng thiếu sắt trên heo, dê, trâu, bò	HCP-2
3	Menazole	Mebendazole	Túi	25; 100g; 1kg	Trị giun, sán trên lợn, gà	HCP-3
4	Lincospemycin 110	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Túi	25; 100g; 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường ruột, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà	HCP-4
5	Lincocin - 300	Lincomycin HCl,	Chai	20; 100ml	Trị viêm phổi, ho, viêm ruột, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, CRD trên trâu, bò, cừu, heo, gà	HCP-5
6	Uterumone	Estradiol benzoate	Chai	20ml	Trị các chứng bệnh của tử cung, buồng trứng, tăng khả năng động dục trên bò, ngựa, heo, chó, dê, gà, vịt	HCP-6
7	Fumilin-75	Flumequin	Chai	20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, thương hàn trên trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo, heo, gà, vịt	HCP-7

4. Công ty Kashin Medicines Co.,Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Florted 20 powder	Florfenicol	Bao	200g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho gia súc, gia cầm	KCPT- 6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Florted Oral Solution 10%	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho gia súc, gia cầm	KMC-1
3	Tiamulin Powder 20%	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	1; 10; 25kg	Heo: Trị hồng lỵ Brachyspira hyodysenteriae, kết hợp với Fusobacterium và bacteroides spp., bệnh viêm phổi. Gia cầm: Trị bệnh do Mycoplasma spp gây ra	KCPT-12
4	Oxy-200	Oxytetracycline	Bao	1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	KMC-2
5	Fluvermin	Flubendazole	Gói, túi	600g; 1kg; 10kg; 18kg; 24kg	Trị giun, sán trên gia súc, gia cầm	KMC-3

GERMANY

1. Công ty Bayer Healthcare AG (Bayer AG)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Baytril 5%	Enrofloxacin	Chai	50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	Germany, USA	BYA-1
2	Rintal 10%	Febantel	Gói	7,5; 15; 25; 100; 500g	Phòng và trị giun, sán	Germany	BYA-2
3	Asuntol 50	Coumaphos	Gói	10g; 100g; 1kg	Trị ký sinh trùng	Germany	BYA-3
4	Negasunt	Coumaphos, Propoxur, Sulphanilamide	Gói	20g; 100g; 1kg	Chống nhiễm khuẩn	Germany	BYA-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
5	Bayticol 6% EC	Flumethrin	Chai	10; 20,50, 100; 500, 1000ml; 50l	Phòng, trị ký sinh trùng	Germany, Nam Phi	BYA-6
6	Sebacil Pour On	Phoxim	Chai Thùng	10; 20; 50; 60; 100; 250; 500ml 1; 2,5; 5; 50; 190 lít	Phòng và chống ký sinh trùng	Germany	BYA-12
7	Sebacil EC 50%	Phoxim	Chai Thùng	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít; 2,5; 5; 10; 180; 200; 250 lít	Trị mạt trên gà đẻ và gà giống	Germany	BYA-15
8	Baycox 5% Suspension	Toltrazuril	Lọ Chai	20; 50; 100ml 200; 250; 500; 1000ml	Phòng và trị cầu trùng trên heo, bê, nghé	Germany	BYA-19
9	Baytril 10% Oral. Sol	Enrofloxacin	Lọ Chai	10; 20; 50; 100ml 500; 1000ml	Chống nhiễm khuẩn	USAThailand, Germany, Korea	BE-2
10	Baytril 0,5% Oral. Sol	Enrofloxacin	Chai	20, 100ml	Trị tiêu chảy và chống nhiễm trùng	Thailand; Korea	BE-3
11	Rintal Bolus 600mg	Febantel	Gói Hộp	1 viên 50 viên	Phòng và trị bệnh giun, sán	Bayer Thai Thailand	BE-4
12	Catosal 10% Inj. Sol	Vit B_{12}; Methyl Hydroxybenzoate, phosphonous acid 1-(n-Butylamino)-1-methylethyl-	Chai	10; 20ml; 100ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ kích thích sự biến dưỡng	Bayer Thailand, Korea	BE-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
13	Baycox 2,5% Oral. Sol	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng	Bayer Korea Thailand	BE-6
14	Bayrena 20% Inj Sol	Sulphamethoxy-diazine	Chai	20; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn	Thailand	BE-7
15	Baytril 2,5%	Enrofloxacin	Chai	10; 20, 50ml 100, 500ml	Điều trị các bệnh CRD, viêm phổi, màng phổi	Bayer Korea Vetchem	BYVK-02
16	Calphon - Forte	Calcium gluconate; Calcium glucoheptonate; Calcium-dsaccharate; Boric acid, Butaphosphan	Chai	25; 50; 100ml 200; 250; 500ml 1000ml	Cung cấp Ca và P	Bayer Vetchem Korea	BYVK-03
17	Vigantol E	Vitamin A; D_3; E	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, D, E	Bayer Vetchem Korea	BYVK-05
18	Prolongal	Iron-Dextran	Chai	10; 20; 50, 100ml 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu sắt	Bayer Vetchem Korea	BYVK-06
19	Sebacil Pour-on	Phoxim	Chai Thùng	500ml; 1 lít 5; 10; 18 lít	Trị ghẻ trên heo	Bayer Vetchem Korea	BYVK-07
20	Bayvarol Strips	Flumethrin	Hộp	5 gói (4 dải/gói)	Chẩn đoán và điều trị bệnh chí (Varroa Jaco-bsoni) ở ong mật	Germany	BYA-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
21	Baytril max	Enrofloxacin 10%	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, heo, cừu	Germany, USA	BYA-23
22	Drontal flavour plus	Febantel, Pyrantel, Praziquantel	Viên	766; 2716mg	Thuốc xổ giun sán trên chó	Germany	BYA-24
23	Ceftiject RTU	Ceftiofur hydrochloride	Chai	100; 125ml	Trị bệnh đường hô hấp, thối móng, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò, lợn	Newzealand	BYA-31
24	Intercept	Chlorhexidine, Bismuth	Syring	5ml; 8ml	Trị viêm vú bò	Newzealand	BYA-32
25	Fluximine Injection	Flunixin (dạng Meglumine)	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm đau hệ xương, cơ, đau bụng, nhiễm độc máu trên ngựa; hội chứng MMA trên heo; sốt, viêm đường hô hấp trên bò; đau nội tạng do tiêu chảy trên chó	Newzealand	BYA-33
26	Lactapen G	Procaine Penicillin G	Syringe	5ml, 8ml, 10ml	Trị viêm vú ở bò sữa trên bò đang khai thác sữa	Newzealand	BYA-34

2. Công ty Bremer Pharma GMBH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ferrum 10% Inj	Ion (III)-dextran complex	Chai	100ml	Phòng, trị thiếu sắt trên heo con, bê, thú mới đẻ. Thiếu máu do ngoại ký sinh trùng	BM-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Ferrum 10% + B_{12} Inj	Ion (III)-dextran complex, vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng, trị thiếu sắt trên heo con, bê, thú mới đẻ. Thiếu máu do ngoại ký sinh trùng	BM-2
3	Multivit Inj	Vitamin A, D, E, nhóm B	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	BM-3
4	Hefrotrim 48%	Sulfadimidine, Trimethoprim	Chai	200; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	BM-5
5	Vitamin E + Selenium	Vitamin E, Selenium	Chai	100ml	Tăng khả năng sinh sản	BM-6
6	Super Coc		Chai	100ml	Trị cầu trùng gia cầm	BM-8
7	Tylosin-Prednicol Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị bệnh hô hấp	BM-9
8	Sanolin Inj	Licomycin	Chai	100ml	Trị bệnh hô hấp và viêm khớp	BM-11
9	Flumequin 10%	Flumequin	Gói, bao	100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa	BM-12
10	Amoxinject 15%	Amoxicillin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	BM-13
11	Amoxinject LA	Amoxicillin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	BM-14

3. Công ty Basf Aktiengesellschaft

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Lutavit A 500 Plus	Vitamin A	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin A	Đức, Trung Quốc	BASF-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
2	Lutavit A 500 S	Vitamin A	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin A	Đức, Trung Quốc	BASF-2
3	Lutavit A/D_3 500/100 Plus	Vitamin A/D_3	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin A/D_3	Đức, Trung Quốc	BASF-3
4	Lutavit D_3 500	Vitamin D_3	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin D_3	Đức, Trung Quốc	BASF-4
5	Lutavit E 50	Vitamin E	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin E	Đức, Trung Quốc	BASF-5
6	Lutavit E 50 S	Vitamin E	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin E	Đức, Trung Quốc	BASF-6
7	Lutavit K_3 MSB	Vitamin K_3	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin K_3	Đức, Ý, Uruguay	BASF-7
8	Lutavit B_1 Mononitrate	Vitamin B_1 Mononitrate	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_1 Mononitrate	Đức, Nhật, Trung Quốc	BASF-8
9	Lutavit B_1 Hydrochloride	Vitamin B_1 HCl	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_1	Đức, Nhật, T. Quốc	BASF-9
10	Lutavit B_2 SG 80	Vitamin B_2	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_2	Đức, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc	BASF-10
11	Lutavit B_6	Vitamin B_6	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_6	Đức, Nhật, T. Quốc	BASF-11
12	Lutavit B_{12} 1%	Vitamin B_{12}	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Đức, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ	BASF-12
13	Lutavit H_2	Vitamin H_2	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin H_2	Đức, Đan Mạch, T. Quốc, Thái lan Malaysia	BASF-13
14	Lutavit Folic acid	Folic acid	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Folic acid	Đức, Nhật, T. Quốc	BASF-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
15	Lutavit Calpan	Vitamin B_5	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_5	Đức, Nhật, T. Quốc	BASF-15
16	Lutavit Niacin	Vitamin, Niacin	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin Niacin	Đức, Thuỵ Sĩ, Trung Quốc	BASF-16
17	Ascorbic Acid Fine Granular/ Regular Powder	Vitamin C	Bao	1; 5; 10; 20; 25; 50kg	Bổ sung Vitamin C	Đan Mạch, Trung Quốc, Nhật	BASF-19
18	Lutavit C Monophosphate 35	Vitamin C monophosphate	Bao	1; 5; 10; 20; 25; 50kg	Bổ sung Vitamin C monophosphate	Đức, Nhật, Trung Quốc	BASF-20
19	Labhidro ADE 500F	Vitamin A, D_3, E	Chai	5; 100ml; 200l	Bổ sung Vit A, D_3, E	Spain	BASF-29
20	Erytrom-2000	Vitamin E	Chai	50ml	Bổ sung Vitamin E	Spain	BASF-30
21	Feradid	Elementary iron, B_6, B_{12}, Co. Cu	Chai	100ml, 200l	Bổ sung sắt, B_6, B_{12}, Co. Cu	Spain	BASF-31
22	Lutavit D_3 500 S	Vitamin D_3	Bao	1; 5; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin D_3	Đức, T. Quốc, Nhật	BASF-33
23	Vitamin D_3 1.0Mill IU/g	Vitamin D_3	Chai	1; 5; 25kg	Bổ sung Vitamin D_3	Đức, Đan Mạch, Nhật	BASF-34
24	Nicotinamide USP (Niacinamide USP)	Nicotinamide	Bao	1; 5, 20; 25kg	Bổ sung Nicotinamide	Mỹ, Đức, Trung Quốc, Nhật	BASF-35
25	Vitamin A Palmitate Oily1.0 mio I.E/g	Vitamin A	Chai	1; 5; 25kg	Bổ sung Vitamin A	Đức, Đan Mạch, Nhật	BASF-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
26	Vitamin E Acetate	Vitamin E	Chai	1; 5; 25, 50kg	Bổ sung Vitamin E	Đức, Đan Mạch, Nhật	BASF-37
27	Lutavit K_3 MNB	Vitamin K_3	Bao	1; 5; 20, 25kg	Bổ sung Vitamin K_3	Đức, Trung Quốc, Ý, Nhật	BASF-38

4. Công ty Degussa Huls AG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	L-Threonine	L-Threonine	Bao	25kg	Bổ sung acid amin cần thiết	Đức	DGSG-1
2	Nicotinamide Feed grade (Vit B_3)	Vitamin B_3	Bao	25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin B_3	Đức	DGSG-2
3	Calcium formate	Calcium	Bao	25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu calci	Đức	DGSG-3
4	Biolys 60		Bao, kiện	25kg; 1000kg		Đức	DGSG-4
5	DL. Methionie Feed Grade	DL. Methionie	Bao, kiện	25kg; 750; 1000kg	Bổ sung acid amin cần thiết	Bỉ, Mỹ	DAB-5

5. Công ty Lohmann Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cuxavit B_1 Mononitrate	Vitamin B_1	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_1	LAH-01
2	Cuxavit B_{12}	Vitamin B_{12}	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_{12}	LAH-02
3	Cuxavit K_3 MSB	Vitamin K_3	Bao	25kg	Bổ sung vitamin K_3	LAH-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Cuxavit Folsaure (Folic acid)	Vitamin B_4	Bao	10; 25kg	Bổ sung vitamin	LAH-04
5	Cuxavit C	Vitamin C	Bao	25kg	Bổ sung vitamin C	LAH-05
6	Cuxavit B_2 80%	Vitamin B_2	Bao	20kg	Bổ sung vitamin B_2	LAH-06
7	Cuxavit B_6	Vitamin B_6	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_6	LAH-07
8	Cuxavit calpan 98%	Vitamin B_5	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_5	LAH-08
9	Cuxavit biotin 2%	Vitamin B_4	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_4	LAH-09
10	Avi Blue	Sodium hydrogen carbonate, Sodium thiosulfate anhydrate, Citric acid anhydrate, Sodium carbonate, Lactose	Chai, gói	12,5g; 375g	Ổn định pH nước uống cho gia cầm	LAH-10

6. Công ty Miavit - Niemeyer GmbH & Co.KG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Miamix	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_6, B_2, C, polyphosphate, Lysin, Niacin, sắt, đồng, kẽm, Mangan, Methionin, Choline chloride	Bao	1; 25; 50kg	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin, Acid Amin thiết yếu và các khoáng chất, tăng sức đề kháng, giảm bệnh tật, giảm tỷ lệ chết, chống stress cho gia súc, gia cầm	MVI-1

7. Công ty Rotex Medica GMBH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B - Complex Inj	Vitamin nhóm B (B_1, B_6)	Lọ	10; 50; 100ml	Bổ sung vitamin	RTM-1

8. Công ty Kaimight Chemical and Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Florfenicol P-10	Florfenicol	Bao	20kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	KCPT-1
2	Valosin-50	Acetyliso valeryl tylosin tartrate	Chai	1kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	KCPT-2
3	Bitylin-66	Tylosin tartrate	Bao, gói	750g	Trị nhiễm trùng do M.galisepticum, bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm màng khớp nhiễm trùng	KCPT- 3
4	Cephalexin 150	Cephalexin monohydrat	Bao, gói	1kg	Kháng sinh có phổ kháng khuẩn rộng đối với vi khuẩn Gr(+) và Gr(-)	KCPT- 4
5	Ivermectin 0,6%	Ivermectin	Bao, gói	333g; 5kg	Trị ngoại và nội ký sinh trùng trên heo	KCPT- 5
6	Florfenicol-20	Florfenicol	Bao	2; 20kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho gia súc, gia cầm	KCPT- 7
7	Biconex-100	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi, lon	150g; 750g	Trị viêm ruột, bệnh lỵ, viêm khớp, viêm phổi trên lợn; trị CRD, viêm túi khí trên gà	KCPT- 8
8	Bifinex-400	Lincomycin HCl	Bao	1kg	Trị lỵ trên heo, viêm ruột hoại tử trên gà	KCPT- 9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Oxytec-500	Oxytetracycline	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, viêm teo mũi, viêm ruột trên heo, gà	KCPT- 10
10	Tilmicosin 200	Tilmicosin	Bao	1kg	Trị viêm phổi do Actinobacillus, Pleuropneumoniae, M.hyopneumoniae, P.multocida trên heo	KCPT- 11

9. Công ty Xvet GmbH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E, do stress, hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm trùng trên gia súc, gia cầm	XVE-1
2	Cal&Phos Solution	Calcium, Phosphorus, Cobalt	Chai, can	250ml, 1; 25 lít	Phòng bệnh do thiếu canxi trên gia súc, gia cầm	XVE-2
3	Carnitin Amino Mix	Vitamin B_6, B_{12}, Nicotinamide, Ca- Pantothenate, L- Carnitine, Sodium - Glutamic acid, Sorbitol, Lysine, Methionine	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Phòng gan nhiễm mỡ trên gia cầm	XVE-3
4	Liver Tonic	Vitamin B_1, B_{12}, Cholin Chloride, Nicotinamide, Ca-Pantothenate, Inosit	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Tăng cường bảo vệ gan, cải thiện khả năng tiết các men tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	XVE-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Carnitin Mix	Sorbitol, L- Carnitine, Cholin Chloride, Methionine, Magnessium	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Trị rối loạn trao đổi chất, bảo vệ gan trên gia súc, gia cầm	XVE-5

HÀ LAN (NEITHERLAND)

1. Công ty Akzonobel Chemicals B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Choline Chloride	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-1
2	Choline Chloride 5% on silica carrier	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-2
3	Choline Chloride 50% on veretabl	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-3

2. Công ty Dutchfarm Veterinary Pharmaceuticals B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Trim/Sul D 40/200 Inj	Trimetoprim Sulfamethoxazol	Chai	50; 100ml	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxazol	DUTCH-3
2	Trim/Sul M 40/200 Inj	Trimetoprim Sulfadoxine	Chai	50; 100ml	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadoxine	DUTCH-4
3	Thiamphenicol Oral 10%	Thiamphenicol	Chai, bình	50; 100ml 1000ml, 25 lít	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+), Gr(-) và vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol	DUTCH-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Colistin 4800W.S.P	Colistin sulfate	Gói, lọ	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Colistin gây ra như colibacillosis và salmonellosis	DUTCH-6
5	Dufafloxacin 10% inj	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột, nhiễm khuẩn thứ phát do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, lợn	DUTCH-7
6	Dufafloxacin 10% oral	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	DUTCH-8
7	Dufamox 15% LA. Inj	Amoxicillin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên trâu, bò, lợn	DUTCH-9
8	Oxytetracyclin 20% LA Inj	Oxytetracyclin	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm vú, viêm xoang, viêm ống tiết niệu, sốt ngã nước, thối móng và áp xe gan trên trâu, bò, lợn, cừu	DUTCH-10
9	Tylo-dox Plus W.S.P	Doxycycline hyclate; Tylosin tartrate	Gói, lọ	100; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột, nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Tylosin và Doxycycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	DUTCH-11
10	Dufamox-G 150/40 Inj	Amoxicillin, Gentamycin	Chai	100; 500ml; 11	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng niệu đạo, tụ huyết trùng, colibacillosis và áp xe	DUTCH-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Dufamec 1% Inj	Ivermectin	Chai	50; 100; 500ml; 1l	Trị nội, ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò, lợn, cừu, chó, mèo	DUTCH-13
12	Dufanor 20% Oral	Norfloxacin	Chai	100; 500ml; 1l	Trị CRD, CRD-complex, Colibacillosis, tụ huyết trùng, staphylococcosis và Streptococcus trên gia cầm	DUTCH-14
13	Iron Dextran 20% Plus	Iron dextran, Cyanocobalamin	Chai	100; 500ml; 1l	Trị thiếu máu do thiếu sắt trên bê, nghé, lợn con	DUTCH-15
14	Pen/Strep 20/20 Inj	Penicillin G, Dihydrostreptomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin G và Dihydrostreptomycin ở trâu, bò, ngựa, bê, nghé, dê, cừu, lợn, chó, mèo	DUTCH-17
15	Tylosin 20% Inj	Tylosin tartrate	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin ở trâu, bò, cừu và lợn	DUTCH-18
16	Dufaminovit Oral	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_5, B_6, C, Alanine, Arginine, Aspartic, Glutamic, Glycine, Histidine, Isoleucine, Leucine, Lysine, Methionine, Phenylalanine, Proline, Serine, Threonine, Tryptophae, Tyrosine, Valine	Chai	100ml; 1l	Trị thiếu vitamin, amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu	DUTCH-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
17	Dufavit AD_3E 80/40/20 Inj	Vitamin A, D_3, E	Lọ	100ml; 1l	Trị thiếu vitamin, amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu	DUTCH-20
18	Dufavit AD_3E 100/20/20 Oral	Vitamin A, D_3, E	Lọ	100ml	Trị thiếu vitamin và amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu	DUTCH-21
19	DUFACOC 200 PLUS W..S.P	Amprolium HCl, Sulfaquinoxaline sodium	Gói, chai	100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng trên bê, nghé, cừu, lợn, gia cầm	DUTCH-22
20	Cloxa-ben Dry Cow	Cloxacillin benzathine; Butyhydroxytoluene; Aluminiummonos-tearate	Ống tiêm	9g	Trị viêm vú trên trâu, bò	DUTCH-23
21	Doxycycline 20% w.s.p	Doxycycline Hydrochloride	Gói	100g; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, lợn	DUTCH-24
22	Gentamycine 10% Inj	Gentamycine (as sulfate)	Chai, lọ	10ml; 50ml; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với gentamycin gây ra trên ngựa, trâu, bò, lợn, dê, cừu	DUTCH-25
23	Megavit B-Complex + C Inj	Vitamin B_1; B_2; B_3; B_5; B_6; B_{12}; Ascorbic acid	Chai, lọ	100ml; 500ml; 1000ml	Trị và phòng bệnh thiếu vitamin B, C trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn và mèo	DUTCH-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
24	Multivit Inj	Vitamin A; E; B_1; B_2; B_3; B_5; B_6; B_{12}; C; D_3	Chai, lọ	100ml; 500ml; 1000ml	Trị và phòng bệnh thiếu vitamin trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn, mèo	DUTCH-27
25	Tylosin 50% w.s.p	Tylosin tartrate	Gói, chai, túi	500g; 1kg	Trị CRD, viêm xoang, viêm phổi trên bê, nghé, lợn, gia cầm	DUTCH-28

3. Công ty Eurovet Animal Health B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Colisol - 1200	Colistin sulphate	Gói, hộp	100g; 1kg	Trị bệnh viêm ruột ở trâu, bò, lợn và gia cầm	ERV-2
2	Flumequine 50% w.s.p	Flumequin	Lọ	500g	Điều trị nhiễm trùng	ERV-3
3	Vit E 50+ Selenium	Sodium selenite	Lọ	100ml	Phòng và trị teo cơ, nhũng nhão	ERV-4
4	Ferridex 100	Iron dextran	Lọ	100ml	Phòng và trị thiếu sắt ở lợn con và nghé	ERV-5
5	Levaject 100	Levamisol hydrochloride	Lọ	100ml	Trị giun cho trâu, bò, lợn, dê, cừu	ERV-6
6	Tylosin 20% Inj	Tylosin tatrate	Lọ	100ml	Điều trị các trường hợp nhiễm trùng	ERV-8
7	Farmox	Amoxicllin	Lọ	30; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, sinh dục, da	ERV-9
8	Fatrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng ở trâu, bò, heo, dê cừu, chó, mèo	ERV-11
9	Tridox L.A Inj	Oxytetracycline dihydrate	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	ERV-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	Spectolin Inj	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	100ml	Điều trị chứng viêm ở trâu, bò, lợn và gia cầm	ERV-14
11	Vit AD_3E Inj	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E	ERV-15
12	Doxy 150 W.S.P	Doxycycline hyclate	Hộp, lọ	100g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	ERV-16
13	Multivitamin Inj	Vitamin A, B_1, C,…	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	ERV-17
14	Dexamethasone Inj	Dexamethasone sodium	Lọ	100ml	Trị bệnh keto ở bò sữa, các trường hợp ngộ độc, shock, các trường hợp viêm và dị ứng	ERV-18
15	Ampicillin-Coli 10/25 Inj	Ampicillin, Colistin	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin	ERV-19
16	Pen-Strep 20/20 Inj	Penicillin, Streptomycin	Lọ	50; 100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng đường sinh dục, hô hấp trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	ERV-20
17	Cyclo Spray	Chlotetracyclin HCl	Bình	211ml	Điều trị và chống nhiễm trùng vết thương, vết mổ và vết trày da	ERV-22
18	Amocol Inj	Amoxcilin, Colistin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amocol	ERV-23
19	Soludox	Doxycycline Hyclate	Túi, bao	100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn sơ cấp và thứ cấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxy-cycline gây ra ở lợn và gia cầm	ERV-24

4. Công ty Intervet

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Albipen LA	Ampicillin anhydrate	Lọ	80ml, 200ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm khớp cho bò, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-45
2	Paracilline SP	Amoxilline trihydrate	Gói	100g, 250g, 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm màng não cho heo	Intervet Hà Lan	IT-46
3	Albipen 30%	Ampicillin anhydrate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, khớp, viêm màng não cho heo	Intervet Hà Lan	IT-47
4	Neopen	Neomycin, Penicilline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng vết thương, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa trên heo	Intervet Hà Lan	IT-48
5	Duplocillin LA	Penicilline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-49
6	Depomycin 20/20	Procaine Benzylpenicillin	Lọ	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, hậu phẫu, trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-50
7	Albipen 15%	Ampicillin anhydrate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm khớp, cho trâu, bò, ngựa, cừu, heo	Intervet Hà Lan	IT-51

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
8	Engemycin 10%	Oxytetracycline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, tử cung, viêm teo mũi trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-53
9	Laurabolin	Nandrolone laurate	Lọ	5, 10ml	Dùng cho thú suy nhược, giúp tăng tổng hợp Protein	Intervet Hà Lan	IT-59
10	Prisantol	Phenylbutazone, Isopyrine	Lọ	100ml	Dùng cho trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo bị sưng, viêm…	Intervet Hà Lan	IT-72
11	Metricure	Cephapirin	Hộp	10 syringes	Trị viêm tử cung trên trâu, bò	Intervet Hà Lan	IT-73
12	Dexamedium	Dexamethasone	Lọ	10ml, 50ml, 100ml	Trị aceton huyết, dị ứng, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-74
13	Panacur Powder 4%	Fenbedazone	Gói, bao	12.5g; 2; 2.5; 5; 25kg	Phòng và trị bệnh nội ký sinh trùng trên heo	Đức, Thái Lan, Pháp, Hà Lan	IT-101
14	Tonophosphan comp	Toldimphos	Chai	100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu, bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	Intervet Đức	IT-102
15	Berenil	Diminazene aceturate	Gói	2,36g	Trị bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu bò	Intervet Đức	IT-103
16	Borgal	Trimethoprim, Sulfadoxin	Lọ	100ml	Phòng và trị bệnh hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu… trên heo, chó, mèo	Intervet Đức	IT-104

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
17	Taktic 12,5% EC	Amitraz	Lọ, thùng	50ml, 250ml, 1000ml; 20 lít	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	Intervet Anh, Ấn Độ, Pháp	IT-105
18	Berenil Vet	Diminazene aceturate	Gói	5; 22.5g	Trị bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò	Intervet Ấn Độ	IT-107
19	Tonophosphan vet	Toldimphos	Lọ	30ml, 100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu, bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	Intervet Ấn Độ	IT-108
20	Floxidin vet	Enrofloxacin	Lọ	15ml, 50ml	Phòng, trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa ở heo, gà	Intervet Ấn Độ	IT-109
21	Floxidin 10% oral	Enrofloxacin	Lọ	50ml, 100ml	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Ấn Độ	IT-110
22	Lavongin	Anagin	Lọ	10ml, 30ml	Giảm đau	Intervet Hà Lan, Ấn Độ	IT-111
23	Tolzan F Vet, suspension	Oxyclozanide	Lọ, chai	90ml; 1L, 5L	Phòng và trị bệnh sán lá gan trên trâu, bò, dê, cừu	Intervet Ấn Độ	IT-113
24	Butox Vet	Deltamethrin	Lọ, chai	15ml; 50ml, 250ml, 1000ml	Phòng, trị bệnh ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	Intervet Ấn Độ	IT-114
25	Reverin LA	Oxytetracyclin, Sodium diclofenac	Lọ	20; 50; 100; 250ml	Phòng trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Brasil	IT-115
26	Fenomax LA	Ivermectin	Lọ	4 x 20ml; 50; 100; 500ml	Trị bệnh nội ký sinh trùng trên heo	Intervet Brasil	IT-116

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
27	Fenomax Premix	Ivermectin	Gói	16g; 250g; 5kg	Phòng trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Brasil	IT-117
28	Cordrinal Vet	Tetracycline	Gói	100g	Phòng, trị bệnh cầu trùng trên gà	Intervet Ấn Độ	IT-125
29	Cobactan 2,5%	Cefquinome sulphate	Chai	50; 100ml	Điều trị THT, viêm da, hoại tử, nhiễm trùng huyết do Ecoli, viêm vú, viêm tử cung	Intervet Đức	IT-138
30	Starmast	Cefoperazone	Syringe	5g	Trị nhiễm trùng vú trong giai đoạn cho sữa	Italy	IT-147
31	Berenil Vet 7% RTU	Diminazene, Phenazone	Chai	20; 30; 90ml	Trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu	Intervet Ấn Độ	IT-153

5. Công ty Intercheme Werken "De Adelaar" B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Limoxin-100	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-1
2	Macrolan-50	Tylosin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-3
3	Macrolan-200	Tylosin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-4
4	Intertrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-5
5	Norflox-150	Norfloxacin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Flumesol-150	Flumequin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-)	ICW-7
7	Vitol-140	Vitamin AD_3E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	ICW-9
8	Norflox-200 Oral	Norfloxacin	Chai	250; 500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-10
9	Tiamulin	Tiamulin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-11
10	Interspectin-L	Spectinimycin, Lincomycin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-12
11	Vitol-450	Vitamin AD_3E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	ICW-17
12	Introvit	Vitamin	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E và amino acid	ICW-19
13	Limoxin-25 Spray	Oxytetracyclin HCl	Chai	200ml	Phòng, trị bệnh nhiễm trùng da, móng	ICW-20
14	Flumesol-200 Oral	Flumequin	Chai	100, 200, 500, 1000, 5000ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-) như Pasteurella gây ra	ICW-21
15	Doxin-200 WS	Doxycycline hydrate, Tylosin tartrate	Gói, lọ	100, 500, 1000g	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-22
16	Norflox-200 WS	Norfloxacin	Gói, lọ	100, 500, 1000g	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-23
17	Intrafer-100 B_{12}	Inron dextran, vitamin B_{12}	Lọ	100ml	Bổ sung sắt, vitamin B_{12}	ICW-24
18	Biocillin-150 LA	Amoxycllin base	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-25
19	Glucortin-20	Dexamethasone base	Chai	50; 100ml	Kháng viêm	ICW-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
20	Limoxin-200 LA	Oxytetracycline base	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-27
21	Penstrep-400	Procaine penicillin G, Dihydrostreptomycine	Chai	50; 100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo và gia cầm	ICW-28
22	Procaben-LA	Procaine penicillin G, Benzenthine penicillin G	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo và gia cầm	ICW-29
23	Interflox-100	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ICW-30
24	Oxytocin-20	Oxytoxin	Chai	50ml	Tăng co bóp tử cung, chống sót nhau, kích thích tiết sữa	ICW-31
25	Intermectin	Ivermectin	Chai	10; 50; 100ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên gia súc	ICW-32
26	Coli-1200 WS	Colistin sulfate	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo và gia cầm	ICW-33
27	Electromix WS	Sodium chloride, Glycine, Sodium dihydrogen phosphate, Potassium chloride, Citric acid	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Phòng và trị mất nước do tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-34
28	Flumesol-200 WS	Flumequin	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo và gia cầm	ICW-35
29	Flumesol-500 WS	Flumequin	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo và gia cầm	ICW-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
30	Introvit A + WS	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride, Amino acid	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, acid amin trên gia súc, gia cầm	ICW-37
31	Introvit M + WS	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Ca- pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride, Magnesium sulfate Copper sulfate, Zinc sulfate, Manganese sulfate, Sodium chloride, Lysine, Postassium chloride, Glycine, Methionine	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, khoáng, acid amin trên gia súc, gia cầm	ICW-38
32	Interflox Oral	Enrofloxacin	Bình	1l	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-39
33	Intracox Pump	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên dê con, cừu con, heo con	ICW-40
34	Intracox Oral	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên dê con, cừu con, heo con, gia cầm	ICW-41
35	Colexin Pump	Colistin sulfate, Trimethoprim	Chai	100; 500ml; 1l	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa trên dê non, cừu con, heo con	ICW-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
36	Macrolan WS	Tylosin tartrate	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ICW-43
37	Vitol-140 Oral	Vitamin A, D_3, E	Bình	1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin A, D_3, E, stress trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-44
38	Butasal-100	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Trị rối loạn phát triển và chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ICW-45
39	Introvit A+Oral	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Acid amin	Bình	1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Acid amin, vitamin, stress, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-46
40	Dimoxan WS	Amoxycilline, Colistin sulfate	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	ICW-47
41	Introcil Pump	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên dê non, cừu non, heo con	ICW-48
42	Intrafer-200B_{12}	Iron, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên bê, nghé, heo con	ICW-49
43	Colexin WS	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên bê, nghé, heo con, dê, cừu, gia cầm	ICW-50
44	Phenyljject	Phenylbutazone	Chai	100ml	Trị viêm màng khớp, viêm túi thanh mạc, viêm cơ, viêm thần kinh, viêm gân, viêm bao gân trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ICW-51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
45	Intertrim LA	Sulfadoxine, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	ICW-52
46	Intertrim-480 Oral	Sulfadoxine, Trimethoprim	Chai, bình	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm, trâu, bò, dê, cừu, heo	ICW-53
47	Doxy-200WS	Doxycycline hyclate	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-54
48	Vitol 86 Oral	Vitamin A, D_3, E	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E trên bê, nghé, dê, cừu, gia súc, gia cầm	ICW-55
49	Macrotyl 300	Tilmicosin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, cừu. Viêm vú, thối chân trên cừu	ICW-56
50	Macrotyl-250 Oral	Tilmicosin	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, lợn, gà	ICW-57
51	Biogenta	Amoxicillin trihydrate, Gentamicin (sulphate)	Chai	50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, lợn	ICW-58
52	Intertornic Oral	Sorbitol, Carnitine HCl, Betanie, Choline chloride, D-panthenol, Magnesium	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Phòng ngừa gan nhiễm mỡ, rối loạn chức năng gan, rối loạn tiêu hóa trên bò, ngựa, dê, bê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-59
53	Coli 4800 WS	Colistin Sulphate	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-60
54	Coli 2400 Oral	Colistin sulphate	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, dê, gia cầm, cừu, lợn	ICW-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
55	Introflor 300	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ICW-62
56	Doxy 500WS	Doxycycline hyclate	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-63
57	Introflor - 100 Oral	Florfenicol	Bình	250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	ICW-64
58	Interspectin-L WS	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, hộp	150, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	ICW-65
59	Gallimix-200 WS	Erythromycin thiocyanate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	ICW-66
60	Limoxin WS	Oxytetracycline HCl	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-67
61	Biocillin-200 WS	Amoxycillin trihydrate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, đường niệu trên gia súc, gia cầm	ICW-68
62	Ceftionel-50	Ceftiofur	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ICW-69
63	Doxycol WS	Doxycycline hyclate, Colistin sulphate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-70
64	Sulfadimidin WS	Sulfadimidin	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-71
65	Gentadox WS	Doxycycline hyclate, Gentamycine sulfate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-72
66	Nemovit WS	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate, Vitamin A, D_3, E, B_1,	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Ca-Pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, Methionine, Lysine				
67	Introchick Oral	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, K3, D-Panthenol, Biotin, Choline chloride, Inositol, Alanine, Arganine, Aspartic acid, Cystine, Glutamic acid, Glycine, Histidine, Isoleucine, Leucine, Lysine, Methionine, Phenylalanine, Proline, Serine, Threonine, Tryptophane, Tyrosine, Valine	Chai	100; 250ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, stress trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-75
68	Stimosol Oral	Yeast extract, Vitamin B_1, B_2, B_6, Aspartic acid, citric acid, malic acid, phosphoric acid, tartaric acid, capper sulphate, potassium chloride	Hộp	500ml, 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B, kích thích hệ thống miễn dịch trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-76

6. Công ty Kepro B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vit AD_3E 300 inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	50ml, 100ml, 500ml	Bổ sung vitamin A, D_3, E cho gia súc, gia cầm	KEPRO-1
2	Amoxycol inj	Amoxycicllin, Colistin	Chai	10ml, 50ml, 100ml	Trị tiêu chảy cho gia súc, gia cầm	KEPRO-2
3	Vitaflash Amino WSP	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_{12}, B_6, L.Lysin, Methionin	Gói	100g, 500g, 1kg	Bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm	KEPRO-3
4	Neo-Oxy EGG Formula	Neomycin, Oxytetracyclin Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_{12}, B_6	Gói	100g, 500g, 1kg	Phòng bệnh tiêu chảy, hen gà, bổ sung vitamin	KEPRO-4
5	Iron 100 Inj	Dextran Hydroxide (Fe^{3+})	Chai	50ml, 100ml, 500ml	Bổ sung sắt cho gia súc	KEPRO-5
6	Tylosin 200 Inj	Tylosin	Chai	5, 10, 50, 100, 500ml; 11	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra do vi sinh vật nhạy cảm với Tylosin cho bò, cừu, lợn	KEPRO-6
7	Tylo- Dox Exta WSP	Tylosin tartrate, Doxycyclin hyclate	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	KEPRO-7
8	Doxyvet 200WSP	Doxycyclin hyclate	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	KEPRO-8
9	L.S Injection	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu,	KEPRO-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
					bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	
10	Kepromec	Ivermectin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu	KEPRO-10
11	Xylazine	Xylazine	Chai	25ml	Giảm đau, gây tê trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, chó, mèo	KEPRO-11
12	Worminex	Albendazole	Can	1l	Phòng và trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu	KEPRO-12
13	Trisul 80/400 WSP	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, ruột, tiết niệu, da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	KEPRO-13
14	Doxy-Gen 20/20 WSP	Gentamycin, Doxycyclin	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	KEPRO-14
15	Floxvet 20% Oral	Norfloxacin	Chai	1l	Trị CRD, viêm ruột, tiêu chảy, trên gia cầm	KEPRO-15
16	Florum 10% Oral	Florfenicol	Chai	1l	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên heo, gà	KEPRO-16

7. Công ty Alfasan Internation B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Alfatrim 24% Inj	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu	AFSI-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Kanamycin 10%	Kanamycin	Lọ	100ml	Trị viêm khớp, nhiễm trùng huyết, viêm vú	AFSI-2
3	Oxytetracycline 10%	Oxytetracycline	Lọ	100ml	Viêm phổi địa phương, viêm teo mũi, tiêu chảy	AFSI-3
4	Lincomycin 10%	Lincomycin	Lọ	100ml	Viêm khớp, dấu son, viêm phổi do mycoplasma	AFSI-5
5	Vitamin B. Complex	Vitamin	Lọ	100ml	Chống stress, tăng sức đề kháng	AFSI-6
6	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Nâng cao sinh sản, kích thích tăng trưởng	AFSI-8
7	Norfloxacin 10%	Norfloxacin	Lọ	100ml	Nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục,…	AFSI-9
8	Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Lọ	100ml	Nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục,…	AFSI-10
9	Alfafer 10% + Vit. B_{12}	Dextran complex, Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và điều trị thiếu sắt ở lợn con và gia súc khác	AFSI-11
10	Alfamec®1%	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị nội và ngoại ký sinh trùng cho trâu, bò, cừu, dê, lợn và lạc đà	AFSI-12
11	Vitamin ADE 450000	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và điều trị thiếu vitamin A, D_3, E. Đặc biệt đối với gia súc non và mang thai	AFSI-13

8. Công ty Polymix B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Polymix Vitainject Inj	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, C, Nicotinamide	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-4
2	Polymix Ampicoli Inj	Ampicillin, Colistin, Dexamethasone	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin	PLM-7
3	Plymix Vit AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-8
4	Polymix Vit AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-9

9. Công ty Franklin Products International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Fra Sal Dry	Ammonium formate, ammonium propionate formic, propionic and sorbic acids	Bao	25kg	Phòng bệnh Salmonella trên gia súc, gia cầm	FKH-2
2	Fra Acid Dry	Ammonium formate, formic acid, lactic acid, fumaric acid and citric acid	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	FKH-5

10. Công ty Vetimex Animal Health B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Cogentrim (Methoxasol-T)	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100; 1000; 5000ml	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa	Medentech Ireland	VTMH-1

11. Công ty Tesgofarm B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Superlac	Vitamin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Cung cấp nguồn đạm sữa cho gia súc, gia cầm	BMN-3

12. Công ty Pantex B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Colam P.I	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo	PH-1
2	Tylocare	Tylosin tartrate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, cừu, heo, gia cầm. Bạch lỵ trên heo	PH-2
3	Multivitamins	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, C, K_3, Nicotinamide	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu hụt Vitamin trên trâu, bò, ngựa, cừu, heo	PH-3
4	Amoxy - C	Amoxycilline trihydrate, Colistin base	Bình	1kg	Trị bệnh dạ dày ruột, hoại tử ruột, sổ mũi truyền nhiễm gây ra bởi vi khuẩn E.coli, Salmonella, Clostridium pefringens, Haemophilus paragallinarum nhạy cảm với Amoxycillin và Colistin trên gà, gà tây	PH-4
5	Pantadox	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	PH-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Toltrapan	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	PH-6
7	Pantilmi 250	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên gà	PH-7

POLAND

1. Công ty Vetoquinol - Biowet Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Biomectin 1% Inj	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng	BIOWET-1
2	Enrobioflox 5% Inj	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	BIOWET-2
3	Enrobioflox 10%	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 500; 1000ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	BIOWET-3
4	Tylbian 20% Inj	Tylosin tatrate	Chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin	BIOWET-4

(Xem tiếp Công báo số 381 + 382)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng